

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 11 năm 2025

Số: 11 /TB-HĐTD

THÔNG BÁO

**Kết quả thi (vòng 2) đối với các thí sinh tuyển dụng theo
Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, thuộc
Kỳ tuyển dụng giáo viên các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT,
Trung tâm GDNN-GDTX, Năm học 2025-2026**

Thực hiện Kế hoạch số 2837/KH-SGDĐT ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng giáo viên các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, Trung tâm GDNN-GDTX năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả của các thí sinh dự thi (vòng 2) tuyển dụng theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, thuộc Kỳ tuyển dụng giáo viên các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, trung tâm GDNN-GDTX, năm học 2025-2026.

Hội đồng tuyển dụng Thông báo kết quả thi viết (vòng 2) của các thí sinh theo danh sách cụ thể kèm theo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 12/11/2025 đến hết ngày 26/11/2025, nếu thí sinh có nguyện vọng đề nghị chấm phúc khảo bài thi thì nộp đơn (theo mẫu gửi kèm) và lệ phí (150.000đ/ 01 thí sinh) về Hội đồng tuyển dụng (qua Phòng Tổ chức cán bộ), Sở Giáo dục và Đào tạo, Số 105, Đường Phan Đình Phùng, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh). Quá thời hạn nêu trên Hội đồng tuyển dụng sẽ không nhận đơn phúc khảo và chấm thi phúc khảo theo quy định.

Hội đồng tuyển dụng thông báo để các thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Hội đồng tuyển dụng giáo viên;
- Trang thông tin điện tử của Sở GDĐT;
- Các thí sinh dự thi tuyển theo NĐ 179;
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Ngọc Lê Nam**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI
(Kỳ tuyển dụng giáo viên các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT,
Trung tâm GDNN-GDTX, năm học 2025-2026)

Kính gửi: Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh.

Tên tôi là:

Ngày sinh:.....; CCCD:.....

Địa chỉ:.....

.....

Số báo danh dự thi:

Điện thoại liên lạc:.....

Sau khi xem Thông báo của Hội đồng tuyển dụng và kết quả bài thi của tôi như sau:

Vị trí việc làm dự tuyển:.....: Môn thi:.....

Kết quả bài thi: Bằng số.....; Bằng chữ.....

Bản thân có nguyện vọng và làm đơn đề nghị Hội đồng tuyển dụng xem xét và chấm phúc khảo bài thi của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

.....ngàytháng.....năm 2025

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)



KẾT QUẢ VÒNG 2 (THI VIẾT) KỲ THI TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTĐ ngày /11/2025 của HĐTD Sở GDĐT Hà Tĩnh)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
1	0001	Đặng Thị Khánh An	17/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5
2	0002	Lê Thị An	18/3/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
3	0003	Nguyễn Thị Hà An	30/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.8
4	0004	Trần Thị Thùy An	08/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.6
5	0005	Cao Thị Tuyết Anh	03/8/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
6	0006	Chu Thị Lan Anh	11/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.0
7	0007	Đinh Nguyễn Lan Anh	02/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			25.0
8	0008	Đinh Thị Kim Anh	29/6/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
9	0009	Hoàng Thị Lan Anh	26/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.3
10	0010	Hoàng Thị Ngọc Anh	15/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.3
11	0011	Lê Thị Vân Anh	06/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.3
12	0012	Lê Thị Vân Anh	10/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.6
13	0013	Lê Thị Vân Anh	11/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			85.8
14	0014	Lương Thị Ngọc Anh	24/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			72.6
15	0015	Nguyễn Hà Anh	19/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			79.3
16	0016	Nguyễn Hà Anh	16/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.5
17	0017	Nguyễn Hoài Anh	15/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.1
18	0018	Nguyễn Quỳnh Anh	29/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS	Vắng thi	
19	0019	Nguyễn Thị Anh	06/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.3
20	0020	Nguyễn Thị Lan Anh	28/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.0
21	0021	Nguyễn Thị Mai Anh	05/6/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			80.6
22	0022	Nguyễn Thị Mai Anh	17/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.5
23	0023	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.4
24	0024	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/3/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
25	0025	Nguyễn Thị Tú Anh	02/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.5
26	0026	Nguyễn Thị Vân Anh	16/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
27	0027	Nguyễn Thị Vân Anh	02/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.4
28	0028	Nguyễn Thị Vân Anh	07/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.0
29	0029	Nguyễn Trần Mai Anh	13/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.5
30	0030	Nguyễn Tú Anh	12/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.8
31	0031	Phạm Thị Lan Anh	10/04/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
32	0032	Phạm Thị Vân Anh	27/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB nhiễm		46.5
33	0033	Phan Thị Anh	15/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.3



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng U.T	Vắng thi	Điểm thi
34	0034	Phan Thị Lan	Anh	16/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.4
35	0035	Trần Thị	Anh	25/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.4
36	0036	Trần Thị Cẩm	Anh	20/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.6
37	0037	Trần Thị Quỳnh	Anh	26/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.5
38	0038	Từ Nguyễn Việt	Anh	20/8/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			72.0
39	0039	Võ Thị Tuyết	Anh	19/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			84.0
40	0040	Đặng Thị	Ánh	21/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.5
41	0041	Đinh Thị	Ánh	29/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.9
42	0042	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	24/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.3
43	0043	Hồ Thị	Ánh	12/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.1
44	0044	Nguyễn Thị	Ánh	22/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.0
45	0045	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/9/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.0
46	0046	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18/6/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
47	0047	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.6
48	0048	Phạm Ngọc	Ánh	05/8/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.8
49	0049	Phan Thị	Ánh	08/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
50	0050	Phan Thị Ngọc	Ánh	10/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.3
51	0051	Phan Thị Ngọc	Ánh	01/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.4
52	0052	Trần Thị Kim	Ánh	11/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.8
53	0053	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	14/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.5
54	0054	Đặng Thị	Bách	10/3/1987	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.5
55	0055	Đào Thị Cẩm	Bình	11/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.1
56	0056	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.5
57	0057	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
58	0058	Nguyễn Thị Phương	Cẩm	19/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			85.8
59	0059	Nguyễn Thị	Châu	27/01/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			23.8
60	0060	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	22/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.0
61	0061	Trần Ngọc Bảo	Châu	11/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.5
62	0062	Đinh Thị Linh	Chi	13/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			17.3
63	0063	Đường Thị Quỳnh	Chi	04/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.6
64	0064	Lê Phương	Chi	03/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.3
65	0065	Lê Thị Hiền	Chi	09/11/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.4
66	0066	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi	28/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.8
67	0067	Nguyễn Thị Kim	Chi	14/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			86.8
68	0068	Nguyễn Thị Kim	Chi	03/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			80.0
69	0069	Nguyễn Thị Linh	Chi	21/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.4



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
70	0070	Nguyễn Thị Linh	Chi	30/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.8
71	0071	Nguyễn Thị Linh	Chi	16/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			78.0
72	0072	Nguyễn Thị Linh	Chi	24/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			76.0
73	0073	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	02/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.0
74	0074	Nguyễn Trúc	Chi	13/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			76.4
75	0075	Phạm Thị Phương	Chi	04/10/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.0
76	0076	Phan Cẩm	Chi	7/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			69.8
77	0077	Thái Lê Mai	Chi	10/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.9
78	0078	Thái Quỳnh	Chi	03/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
79	0079	Trần Huệ	Chi	18/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.8
80	0080	Trần Thị	Chi	15/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.8
81	0081	Trần Thị Kim	Chi	02/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.9
82	0082	Trần Thị Thùy	Chi	31/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.3
83	0083	Võ Linh	Chi	26/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			19.8
84	0084	Võ Quỳnh	Chi	03/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.8
85	0085	Phan Thị Hồng	Chinh	26/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.3
86	0086	Đình Quốc	Chung	20/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.5
87	0087	Cao Thị Lê	Chuyên	25/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.3
88	0088	Cao Mạnh	Cường	20/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.5
89	0089	Võ Thị	Diễn	15/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con của người		38.8
90	0090	Phạm Thị	Diệu	15/6/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.0
91	0091	Võ Thị Hồng	Dịu	17/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.0
92	0092	Đặng Thị Thùy	Dung	29/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.0
93	0093	Đặng Thị Thùy	Dung	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.5
94	0094	Đặng Thị Thùy	Dung	26/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.0
95	0095	Đình Thị Thùy	Dung	02/02/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			11.3
96	0096	Hoàng Thị Thuỳ	Dung	14/12/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
97	0097	Lê Thị Ngọc	Dung	05/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.4
98	0098	Lê Thùy	Dung	30/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.8
99	0099	Nguyễn Ngọc Bao	Dung	22/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.5
100	0100	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	12/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.5
101	0101	Nguyễn Trần Thùy	Dung	07/04/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.5
102	0102	Phạm Thị	Dung	02/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.3
103	0103	Phạm Thùy	Dung	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.9
104	0104	Phan Thị	Dung	10/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
105	0105	Trần Thị Thùy	Dung	24/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.4

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
106	0106	Nguyễn Vũ Dũng	26/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.4
107	0107	Đậu Thị Duyên	13/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.5
108	0108	Đặng Thị Mỹ Duyên	26/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.4
109	0109	Lê Mỹ Duyên	05/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.0
110	0110	Lê Thị Duyên	22/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.5
111	0111	Ngô Thị Duyên	12/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.6
112	0112	Nguyễn Hồng Duyên	02/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.4
113	0113	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/01/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
114	0114	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	25/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.6
115	0115	Phạm Mỹ Duyên	03/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.4
116	0116	Trần Thị Duyên	13/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.9
117	0117	Trần Thị Mỹ Duyên	15/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.9
118	0118	Trần Thị Mỹ Duyên	23/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.5
119	0119	Võ Thị Ánh Duyên	15/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			24.6
120	0120	Hoàng Ánh Dương	22/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.8
121	0121	Lê Thị Thùy Dương	07/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			5.8
122	0122	Nguyễn Ánh Dương	01/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
123	0123	Nguyễn Thùy Dương	13/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			23.4
124	0124	Phan Thùy Dương	19/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.0
125	0125	Đinh Hoàng Nhật Đan	14/8/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		37.6
126	0126	Hồ Tâm Đan	21/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.5
127	0127	Nguyễn Thị Hồng Đào	16/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.8
128	0128	Nguyễn Dương Hải Đăng	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB		24.5
129	0129	Nguyễn Văn Đức	18/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.0
130	0130	Dương Hương Giang	14/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.1
131	0131	Dương Thị Linh Giang	14/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.8
132	0132	Đào Thị Hương Giang	10/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.4
133	0133	Đặng Thị Giang	19/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.1
134	0134	Đinh Thị Hương Giang	06/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.4
135	0135	Hoàng Thị Trà Giang	24/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.2
136	0136	Lê Thị Hương Giang	02/01/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			89.6
137	0137	Lương Thị Giang	02/01/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS	Vắng thi	
138	0138	Nguyễn Thị Hà Giang	14/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.3
139	0139	Nguyễn Thị Hà Giang	22/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			78.0
140	0140	Nguyễn Thị Hà Giang	10/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.3
141	0141	Nguyễn Thị Hà Giang	09/2/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.3



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
142	0142	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.6
143	0143	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.8
144	0144	Nguyễn Thị Trà	Giang	13/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.8
145	0145	Nguyễn Thị Trà	Giang	23/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.3
146	0146	Nguyễn Thị Trà	Giang	19/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.8
147	0147	Phạm Thị	Giang	06/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.8
148	0148	Phạm Thị	Giang	20/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.5
149	0149	Phạm Thị Trà	Giang	27/10/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.0
150	0150	Phan Thị	Giang	08/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.8
151	0151	Phan Thị	Giang	26/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.5
152	0152	Trần Hương	Giang	17/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.0
153	0153	Trần Thị	Giang	26/3/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.0
154	0154	Trần Thị Hương	Giang	25/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			69.5
155	0155	Đặng Thị Ngọc	Giàu	04/11/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB 4/4		32.0
156	0156	Cao Thị Thu	Hà	25/4/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.4
157	0157	Đặng Thị	Hà	08/5/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.5
158	0158	Đặng Thị Thu	Hà	08/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			25.3
159	0159	Đinh Ngọc	Hà	28/9/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			74.0
160	0160	Đoàn Thị Thu	Hà	12/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.0
161	0161	Lê Thị Dương	Hà	19/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.0
162	0162	Lê Trần Thủy	Hà	12/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.0
163	0163	Nguyễn Hồng	Hà	10/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5
164	0164	Nguyễn Thái Khánh	Hà	02/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			82.0
165	0165	Nguyễn Thanh	Hà	07/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.0
166	0166	Nguyễn Thị	Hà	05/6/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			20.8
167	0167	Nguyễn Thị	Hà	09/9/1988	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.4
168	0168	Nguyễn Thị	Hà	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.8
169	0169	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.5
170	0170	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.0
171	0171	Nguyễn Thị Thúy	Hà	02/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.0
172	0172	Nguyễn Việt	Hà	10/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.3
173	0173	Phạm Ánh	Hà	26/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.5
174	0174	Phạm Thúy	Hà	23/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.5
175	0175	Phan Thị	Hà	17/12/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.8
176	0176	Trần Lệ	Hà	25/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
177	0177	Trần Thị	Hà	13/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.3



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
178	0178	Trần Thị Hà	23/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.0
179	0179	Trần Thị Hà	01/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.0
180	0180	Trần Thị Thanh Hà	29/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.0
181	0181	Võ Thị Thu Hà	09/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.0
182	0182	Phan Thị Hà	12/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.5
183	0183	Nguyễn Thị Hải	04/04/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			78.7
184	0184	Phạm Thị Hải	26/8/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.3
185	0185	Trần Thị Hải	10/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
186	0186	Dương Mỹ Hạnh	17/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			9.4
187	0187	Hoàng Thị Hạnh	01/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
188	0188	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.8
189	0189	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	24/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.8
190	0190	Phạm Thị Hạnh	01/6/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB loại A		57.1
191	0191	Phạm Thị Mỹ Hạnh	14/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.3
192	0192	Phan Thị Hồng Hạnh	08/3/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
193	0193	Thái Thị Hồng Hạnh	15/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.6
194	0194	Trần Thị Hạnh	06/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.4
195	0195	Võ Thị Hạnh	15/5/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.0
196	0196	Châu Thị Hào	29/9/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.2
197	0197	Trần Thị Bích Hào	10/3/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB hạng 4/4		49.2
198	0198	Võ Thị Mỹ Hào	27/10/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.5
199	0199	Nguyễn Thị Thái Hậu	20/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.8
200	0200	Cao Thị Thu Hằng	09/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.5
201	0201	Dương Thị Mỹ Hằng	18/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5
202	0202	Đào Thị Thu Hằng	12/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			76.8
203	0203	Đặng Thị Hằng	26/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.8
204	0204	Đặng Thị Thúy Hằng	27/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			19.5
205	0205	Đinh Nguyệt Hằng	22/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.6
206	0206	Đinh Thị Diễm Hằng	02/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			15.8
207	0207	Lê Thị Thu Hằng	27/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.3
208	0208	Lê Thị Thúy Hằng	26/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
209	0209	Nguyễn Diệu Hằng	15/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.8
210	0210	Nguyễn Minh Hằng	13/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			18.3
211	0211	Nguyễn Thị Hằng	21/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.3
212	0212	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.8
213	0213	Nguyễn Thị Thúy Hằng	23/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.6



	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
214	0214	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.0
215	0215	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	27/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.5
216	0216	Phạm Yến	Hằng	05/2/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
217	0217	Phan Thị	Hằng	10/10/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			25.3
218	0218	Phan Thị Phương	Hằng	11/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.8
219	0219	Trần Thị	Hằng	19/10/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			79.8
220	0220	Trần Thị	Hằng	06/3/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.9
221	0221	Trần Thị Thanh	Hằng	01/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.3
222	0222	Trần Thị Thúy	Hằng	28/01/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.3
223	0223	Vũ Thị Minh	Hằng	15/12/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
224	0224	Vũ Thị Thục	Hằng	01/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.0
225	0225	Cao Nguyễn Thúy	Hiền	08/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.5
226	0226	Đoàn Thị	Hiền	10/9/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			20.0
227	0227	Hoàng Thị	Hiền	15/5/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
228	0228	Hoàng Thị Thu	Hiền	27/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.8
229	0229	Hồ Thị	Hiền	14/01/1996	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB 4/4		44.8
230	0230	Lê Thị	Hiền	10/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.6
231	0231	Lê Thị Thúy	Hiền	16/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5
232	0232	Lê Thu	Hiền	02/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
233	0233	Nguyễn Thị	Hiền	01/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.9
234	0234	Nguyễn Thị	Hiền	10/9/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.0
235	0235	Nguyễn Thị	Hiền	02/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.1
236	0236	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	12/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.5
237	0237	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	19/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.6
238	0238	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.3
239	0239	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/6/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.0
240	0240	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.3
241	0241	Phạm Thúy	Hiền	11/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.5
242	0242	Phan Thị Thu	Hiền	21/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.4
243	0243	Trần Minh	Hiền	17/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.0
244	0244	Trần Thị	Hiền	02/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.5
245	0245	Trần Thị Thu	Hiền	24/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.3
246	0246	Nguyễn Thị	Hiếu	26/8/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.5
247	0247	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	05/7/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.0
248	0248	Phan Thị Hoài	Hiếu	07/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			79.6
249	0249	Vì Thị Hồng	Hiếu	25/11/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS	Vắng thi	



	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng U.T	Vắng thi	Điểm thi
250	0250	Dương Thị Quỳnh Hoa		01/4/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.8
251	0251	Đậu Thị Hoa		20/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.3
252	0252	Hồ Thị Mai Hoa		24/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.1
253	0253	Lê Thị Hoa		07/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.4
254	0254	Nguyễn Thị Hoa		02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.0
255	0255	Nguyễn Thị Hoa		25/6/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.3
256	0256	Nguyễn Thị Hoa		02/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			78.5
257	0257	Nguyễn Thị Hoa		23/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
258	0258	Nguyễn Thị Thanh Hoa		20/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.0
259	0259	Phạm Thị Hoa		19/5/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
260	0260	Phạm Thị Như Hoa		18/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			76.8
261	0261	Trần Thị Hoa		22/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.5
262	0262	Trần Thị Liễu Hoa		14/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5
263	0263	Trần Thị Quỳnh Hoa		19/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.0
264	0264	Võ Thị Mỹ Hoa		25/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.8
265	0265	Đoàn Thị Khánh Hòa		06/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.3
266	0266	Lê Khánh Hòa		21/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
267	0267	Trần Thị Hòa		10/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			23.0
268	0268	Bùi Thị Thu Hoài		26/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.3
269	0269	Cao Thị Thu Hoài		01/02/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		38.3
270	0270	Cao Thị Thuý Hoài		27/01/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.8
271	0271	Dương Thị Hoài		06/5/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.0
272	0272	Đặng Thị Hương Hoài		06/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.0
273	0273	Lê Thị Hoài		01/11/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.5
274	0274	Nguyễn Dương Hoài		20/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.0
275	0275	Phạm Thị Mỹ Hoài		28/9/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.1
276	0276	Trần Thị Hoài		15/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
277	0277	Trần Thị Hoài		25/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.3
278	0278	Võ Thị Mỹ Hoài		15/3/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.4
279	0279	Nguyễn Huy Hoàng		08/05/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.3
280	0280	Hoàng Thị Đức Hồng		14/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.9
281	0281	Lê Thị Hồng		19/9/1988	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			69.3
282	0282	Lê Thị Huế		10/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.8
283	0283	Phạm Thị Huế		28/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.8
284	0284	Lê Thị Kim Huệ		16/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.0
285	0285	Lê Thu Huệ		28/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.3



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
286	0286	Nguyễn Thị Huệ	03/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			82.3
287	0287	Nguyễn Thị Huệ	08/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			78.5
288	0288	Trần Thị Kim Huệ	21/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
289	0289	Nguyễn Văn Hùng	16/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.0
290	0290	Bùi Thị Khánh Huyền	07/3/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.0
291	0291	Dương Khánh Huyền	29/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.9
292	0292	Dương Thị Huyền	01/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.4
293	0293	Đàm Thị Thu Huyền	26/1/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.9
294	0294	Đinh Thị Thu Huyền	13/9/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.6
295	0295	Hà Thị Kim Huyền	26/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.8
296	0296	Hoàng Thị Diệu Huyền	20/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.4
297	0297	Lê Thị Khánh Huyền	08/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.3
298	0298	Nguyễn Thị Huyền	20/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.7
299	0299	Nguyễn Thị Diệu Huyền	10/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.5
300	0300	Nguyễn Thị Khánh Huyền	15/10/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.3
301	0301	Nguyễn Thị Khánh Huyền	08/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.5
302	0302	Nguyễn Thị Khánh Huyền	06/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.5
303	0303	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	06/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
304	0304	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.3
305	0305	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.0
306	0306	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/6/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.5
307	0307	Phạm Thị Khánh Huyền	13/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.5
308	0308	Phan Thanh Huyền	25/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.7
309	0309	Trần Dương Khánh Huyền	10/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.8
310	0310	Trần Phương Huyền	15/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.5
311	0311	Trần Thị Khánh Huyền	12/6/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.8
312	0312	Trần Thị Khánh Huyền	03/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.5
313	0313	Trương Thị Huyền	25/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5
314	0314	Trương Thị Thanh Huyền	24/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
315	0315	Võ Khánh Huyền	06/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.3
316	0316	Nguyễn Khánh Huyền	11/10/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.5
317	0317	Đinh Xuân Hưng	01/11/1977	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
318	0318	Đỗ Thị Thanh Hưng	25/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.8
319	0319	Hoàng Thị Hương	02/6/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.0
320	0320	Hoàng Thị Thu Hương	20/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.5
321	0321	Lê Thị Hương	05/6/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
322	0322	Lê Thị Mai	Hương	16/7/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		53.4
323	0323	Nguyễn Thị	Hương	29/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		30.0
324	0324	Nguyễn Thị	Hương	04/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		83.8
325	0325	Nguyễn Thị	Hương	26/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		74.5
326	0326	Nguyễn Thị Lan	Hương	29/12/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		33.8
327	0327	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		29.2
328	0328	Nguyễn Thị Mai	Hương	19/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		53.5
329	0329	Phạm Thị	Hương	05/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		47.5
330	0330	Phạm Thị Sông	Hương	19/5/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		70.4
331	0331	Phan Thị	Hương	21/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		62.5
332	0332	Phan Thị Lan	Hương	12/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		67.5
333	0333	Phan Thị Thủy	Hương	16/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Vắng thi	
334	0334	Trần Thị	Hương	18/6/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		25.0
335	0335	Trần Thị Quỳnh	Hương	09/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		36.0
336	0336	Trần Thị Thu	Hương	11/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		31.3
337	0337	Lê Thị	Hương	21/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		35.5
338	0338	Bùi Thị	Hương	10/9/1987	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB	44.0
339	0339	Đoàn Thị	Hương	13/7/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		73.5
340	0340	Nguyễn Thị	Hương	08/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		39.5
341	0341	Phạm Thị	Hương	20/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		55.8
342	0342	Trần Thị Thu	Hương	02/2/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		48.0
343	0343	Cao Thị	Lài	24/5/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Vắng thi	
344	0344	Bạch Thị	Lam	20/10/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		49.5
345	0345	Đường Thị Ngọc	Lam	25/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		37.9
346	0346	Nguyễn Thị Thanh	Lam	02/02/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		61.0
347	0347	Đậu Thị Phương	Lan	07/11/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		59.4
348	0348	Lê Thị Thanh	Lan	19/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		39.3
349	0349	Phạm Thị Ngọc	Lan	22/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		56.3
350	0350	Phan Thị	Lan	06/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		27.3
351	0351	Đặng Thị	Lanh	01/9/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		60.0
352	0352	Nguyễn Thị	Lanh	09/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Vắng thi	
353	0353	Trần Thị Đức	Lập	02/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		61.0
354	0354	Lê Thị Mai	Lê	20/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		47.0
355	0355	Thân Thị	Lê	20/01/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		73.5
356	0356	Trịnh Thị Thanh	Lê	03/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		68.5
357	0357	Lê Thị Khánh	Lệ	05/03/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Vắng thi	



STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
358	0358	Đào Thị Thanh	Liên	10/7/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con Liệt sỹ		39.5
359	0359	Đinh Thị Thùy	Liên	06/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
360	0360	Lê Thị	Liên	11/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.4
361	0361	Văn Thị	Liệu	10/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			74.1
362	0362	Bạch Thị Mỹ	Linh	22/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.8
363	0363	Bùi Thị Thùy	Linh	14/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.1
364	0364	Cao Thị Diệu	Linh	14/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.9
365	0365	Dương Thị Khánh	Linh	18/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.0
366	0366	Dương Thị Thùy	Linh	26/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.6
367	0367	Đào Khánh	Linh	10/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.4
368	0368	Đào Thị Khánh	Linh	23/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.8
369	0369	Đặng Thị Thùy	Linh	24/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.1
370	0370	Đinh Thị Hoài	Linh	25/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.0
371	0371	Đinh Thị Khánh	Linh	16/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.6
372	0372	Đinh Thị Mỹ	Linh	13/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.1
373	0373	Đinh Thùy	Linh	12/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			16.4
374	0374	Hà Thị Khánh	Linh	04/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			19.3
375	0375	Hoàng Thị Mai	Linh	15/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.4
376	0376	Lê Nguyễn Khánh	Linh	16/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.1
377	0377	Lê Nguyễn Khánh	Linh	07/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.0
378	0378	Lê Thị	Linh	02/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.8
379	0379	Lê Thị Diệu	Linh	30/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.3
380	0380	Lê Thị Khánh	Linh	06/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			23.8
381	0381	Lê Thùy	Linh	02/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.0
382	0382	Lý Hà	Linh	17/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.8
383	0383	Nguyễn Diệu	Linh	26/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.4
384	0384	Nguyễn Đoàn Phuong	Linh	28/8/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			76.9
385	0385	Nguyễn Hồ Thùy	Linh	26/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.6
386	0386	Nguyễn Khánh	Linh	10/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.6
387	0387	Nguyễn Mỹ	Linh	13/12/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con nuôi TB 2/4		79.3
388	0388	Nguyễn Phạm Trà	Linh	26/04/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.1
389	0389	Nguyễn Phan Hoài	Linh	10/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
390	0390	Nguyễn Thị	Linh	06/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			13.5
391	0391	Nguyễn Thị Ánh	Linh	17/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.2
392	0392	Nguyễn Thị Khánh	Linh	24/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.8
393	0393	Nguyễn Thị Khánh	Linh	10/10/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.7



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
394	0394	Nguyễn Thị Mai Linh	11/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.4
395	0395	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/01/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5
396	0396	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/9/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.6
397	0397	Nguyễn Thùy Linh	28/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.1
398	0398	Nhự Thị Quỳnh Linh	07/12/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.5
399	0399	Phạm Thị Linh	02/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5
400	0400	Phan Thị Diệu Linh	17/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.5
401	0401	Phan Thị Hoài Linh	10/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.5
402	0402	Phan Thị Khánh Linh	08/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.1
403	0403	Phan Thị Mai Linh	10/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.0
404	0404	Phan Thị Mỹ Linh	19/2/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
405	0405	Phan Thị Thùy Linh	18/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.8
406	0406	Phan Thị Thùy Linh	25/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
407	0407	Trần Khánh Linh	09/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.5
408	0408	Trần Nguyễn Diệu Linh	26/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.5
409	0409	Trần Thị Mỹ Linh	19/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		15.5
410	0410	Trần Thị Phương Linh	30/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.0
411	0411	Trần Thị Thảo Linh	29/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.0
412	0412	Trần Thị Thùy Linh	02/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.8
413	0413	Võ Khánh Linh	17/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.0
414	0414	Võ Thị Cẩm Linh	23/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.6
415	0415	Võ Thị Thùy Linh	02/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			20.3
416	0416	Nguyễn Thị Linh	01/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.4
417	0417	Cao Châu Loan	02/01/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.5
418	0418	Dương Bảo Loan	29/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.6
419	0419	Lê Thị Loan	02/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
420	0420	Lưu Thị Loan	24/4/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			21.8
421	0421	Nguyễn Thị Loan	26/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.5
422	0422	Nguyễn Thị Loan	21/9/1988	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.3
423	0423	Nguyễn Thị Hà Loan	06/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.0
424	0424	Nguyễn Thị Phương Loan	10/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
425	0425	Nguyễn Thị Thanh Loan	17/02/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con BB 61%		77.8
426	0426	Phạm Thị Thanh Loan	11/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.3
427	0427	Trần Thị Loan	23/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
428	0428	Cao Đại Lộc	15/6/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		23.0
429	0429	Từ Thị Lộc	08/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
430	0430	Trần Thị Bích Lợi	30/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.0
431	0431	Cao Thị Thanh Luyến	16/8/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
432	0432	Lê Thị Hồng Luyến	16/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.0
433	0433	Trần Thị Luyến	02/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.4
434	0434	Nguyễn Thị Lương	24/3/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
435	0435	Nguyễn Thị Lương	10/7/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.9
436	0436	Dương Huyền Ly	22/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.0
437	0437	Đinh Thị Cẩm Ly	28/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.0
438	0438	Đinh Thị Trà Ly	07/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.0
439	0439	Lê Thị Cẩm Ly	28/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.3
440	0440	Lê Thị Cẩm Ly	27/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.5
441	0441	Lương Thị Ly	28/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			16.6
442	0442	Ngô Thị Cẩm Ly	13/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5
443	0443	Ngô Thị Vân Ly	15/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.5
444	0444	Nguyễn Thị Cẩm Ly	24/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.3
445	0445	Nguyễn Thị Khánh Ly	14/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.8
446	0446	Nguyễn Thị Khánh Ly	07/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.5
447	0447	Nguyễn Thị Khánh Ly	29/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.5
448	0448	Nguyễn Thị Thảo Ly	03/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.9
449	0449	Phạm Hương Ly	26/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.5
450	0450	Phạm Khánh Ly	02/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.0
451	0451	Phan Trần Khánh Ly	10/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.6
452	0452	Phan Trần Khánh Ly	10/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
453	0453	Trần Đỗ Hoàng Ly	16/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.5
454	0454	Trần Khánh Ly	20/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			24.0
455	0455	Trương Thị Cẩm Ly	03/10/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.5
456	0456	Hồ Thị Lý	04/6/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			82.8
457	0457	Trần Thị Lý	10/6/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
458	0458	Bùi Thị Thanh Mai	17/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.3
459	0459	Hồ Thị Mai	17/9/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			18.6
460	0460	Hồ Xuân Mai	08/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.0
461	0461	Nguyễn Thị Mai	05/4/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.1
462	0462	Nguyễn Thị Mai	24/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.8
463	0463	Nguyễn Thị Ngọc Mai	08/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.8
464	0464	Nguyễn Trần Hoàng Mai	20/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			19.3
465	0465	Phạm Thị Xuân Mai	09/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.4



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
466	0466	Phan Thị Mai	08/6/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.6
467	0467	Phan Tuyết Mai	14/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.5
468	0468	Trần Nhật Mai	21/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.5
469	0469	Trần Thanh Mai	08/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.5
470	0470	Võ Hoàng Bạch Mây	26/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.5
471	0471	Cao Bình Minh	09/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.5
472	0472	Lê Nguyễn Hồng Minh	14/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.0
473	0473	Nguyễn Thị Tuyết Minh	10/3/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
474	0474	Phạm Thị Minh	02/9/1983	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB 4/4		24.0
475	0475	Phạm Thị Hồng Minh	03/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.8
476	0476	Thái Thị Phương Minh	12/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.5
477	0477	Vũ Nhật Minh	17/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.1
478	0478	Trần Thị Mơ	04/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.3
479	0479	Cao Thị Quý Mùi	22/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			24.0
480	0480	Đinh Thị Quý Mùi	08/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
481	0481	Dương Huyền My	03/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.5
482	0482	Dương Trà My	20/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.3
483	0483	Lê Thị Hiền My	04/04/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.3
484	0484	Mai Thị Huyền My	30/9/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
485	0485	Ngô Thị Huyền My	12/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			12.5
486	0486	Nguyễn Thị Huyền My	18/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			85.0
487	0487	Nguyễn Thị Trà My	19/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			87.5
488	0488	Nguyễn Thị Trà My	25/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			23.0
489	0489	Nguyễn Trà My	06/11/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.8
490	0490	Võ Thị Trà My	17/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.1
491	0491	Đặng Thị Diễm Mỹ	23/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
492	0492	Lê Thị Vũ Mỹ	21/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.0
493	0493	Lưu Thị Mỹ	09/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.5
494	0494	Trần Thị Mỹ	18/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.9
495	0495	Bùi Thị Lê Na	04/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.6
496	0496	Hồ Thị Lê Na	30/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.4
497	0497	Lê Na	20/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.3
498	0498	Lê Ly Na	07/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.3
499	0499	Lê Thị Cẩm Na	21/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.0
500	0500	Nguyễn Ly Na	02/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.0
501	0501	Nguyễn Phương Lê Na	24/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
502	0502	Nguyễn Thị Lê Na	14/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.5
503	0503	Phan Thị Mỹ Na	12/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.6
504	0504	Đặng Thị Nga	02/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.3
505	0505	Đinh Thị Nga	22/11/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
506	0506	Đinh Thị Nga	25/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.9
507	0507	Hoàng Thị Hằng Nga	15/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			21.5
508	0508	Lê Thị Nga	11/10/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			84.3
509	0509	Lê Thị Quỳnh Nga	15/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.3
510	0510	Lô Thúy Nga	21/11/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		30.8
511	0511	Nguyễn Phương Nga	01/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			24.5
512	0512	Nguyễn Thị Nga	04/02/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
513	0513	Nguyễn Thị Nga	06/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.3
514	0514	Nguyễn Thị Nga	10/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.8
515	0515	Nguyễn Thị Phương Nga	30/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			84.3
516	0516	Nguyễn Thị Phương Nga	22/8/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.0
517	0517	Nguyễn Thị Thanh Nga	10/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.5
518	0518	Nguyễn Thị Thanh Nga	02/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.8
519	0519	Nguyễn Võ Quỳnh Nga	15/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.5
520	0520	Trần Thị Thúy Nga	10/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
521	0521	Trương Trần Linh Nga	16/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.3
522	0522	Hồ Thị Bích Nga	24/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.0
523	0523	Trần Thị Nga	17/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
524	0524	Lê Thị Hồng Ngát	01/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.5
525	0525	Bùi Thị Thanh Ngân	13/3/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.3
526	0526	Đào Thảo Ngân	16/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.3
527	0527	Đặng Thị Ngân	21/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.5
528	0528	Đinh Thị Yến Ngân	19/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.0
529	0529	Đoàn Phan Hiếu Ngân	06/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.8
530	0530	Kiều Thị Hoài Ngân	15/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.3
531	0531	Nguyễn Thị Ngân	22/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
532	0532	Nguyễn Thị Hồng Ngân	06/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.0
533	0533	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con BB 1/3	Vắng thi	
534	0534	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	4/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.0
535	0535	Nguyễn Thị Thảo Ngân	14/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.5
536	0536	Tô Thị Thu Ngân	12/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.8
537	0537	Trần Thị Tuyết Ngân	23/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5



STT	SBD	Họ và tên	Ngành	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
538	0538	Trương Thị Kim	Ngân	05/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.6
539	0539	Đinh Thúy	Ngân	10/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
540	0540	Cao Thị Bích	Ngọc	26/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.9
541	0541	Đào Thị Huyền	Ngọc	22/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.3
542	0542	Hoàng Thị	Ngọc	30/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.6
543	0543	Nguyễn Bảo	Ngọc	27/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.6
544	0544	Nguyễn Thị	Ngọc	25/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.5
545	0545	Nguyễn Thị	Ngọc	14/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.8
546	0546	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	30/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
547	0547	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	16/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.8
548	0548	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc	19/12/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.9
549	0549	Trần Bảo	Ngọc	24/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.9
550	0550	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc	06/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.0
551	0551	Trần Thị	Ngọc	19/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			72.9
552	0552	Trần Thị	Ngọc	09/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.0
553	0553	Trần Thị Minh	Ngọc	02/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.8
554	0554	Bùi Thảo	Nguyên	04/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.3
555	0555	Hoàng Thảo	Nguyên	17/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
556	0556	Trần Thị Thảo	Nguyên	27/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.8
557	0557	Lê Thị	Nguyệt	18/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.8
558	0558	Lê Thị	Nguyệt	07/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.4
559	0559	Nguyễn Thị	Nguyệt	06/6/1988	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.8
560	0560	Phạm Thị	Nguyệt	10/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			19.1
561	0561	Phan Thị	Nguyệt	17/02/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
562	0562	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	7/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.5
563	0563	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	14/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			18.0
564	0564	Võ Thị Thanh	Nhàn	01/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.0
565	0565	Đinh Tuấn	Nhật	24/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			9.9
566	0566	Đinh Nữ Hoài	Nhi	31/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			43.9
567	0567	Đinh Nữ Yến	Nhi	23/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.9
568	0568	Hồ Thị Yến	Nhi	20/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.5
569	0569	Lê Yến	Nhi	18/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.5
570	0570	Nguyễn Thị	Nhi	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.0
571	0571	Nguyễn Thị Mai	Nhi	18/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.0
572	0572	Nguyễn Thị Tú	Nhi	12/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.3
573	0573	Nguyễn Yến	Nhi	20/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.5



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng U.T	Vắng thi	Điểm thi
574	0574	Phan Thị Yến Nhi	09/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			78.0
575	0575	Trần Nguyễn Ngọc Nhi	09/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.8
576	0576	Trần Thị Dung Nhi	27/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			23.3
577	0577	Trần Thị Lệ Nhi	26/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			14.1
578	0578	Trần Thị Phương Nhi	24/4/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.8
579	0579	Võ Thị Yến Nhi	05/05/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
580	0580	Lê Thị Nhị	08/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.8
581	0581	Tạ Thị Thuần Nho	02/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.5
582	0582	Bùi Thị Nhung	10/11/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.0
583	0583	Cao Thị Hồng Nhung	19/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.7
584	0584	Cao Thị Thùy Nhung	21/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.3
585	0585	Đinh Thị Hồng Nhung	09/01/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.8
586	0586	Hoàng Thị Cẩm Nhung	11/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.0
587	0587	Hoàng Thị Hồng Nhung	24/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.0
588	0588	Lê Cẩm Nhung	29/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.3
589	0589	Lê Thị Nhung	02/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.3
590	0590	Lê Thị Nhung	25/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.8
591	0591	Lê Thị Nhung	01/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.6
592	0592	Lê Thị Kim Nhung	29/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.8
593	0593	Ngô Thị Nhung	04/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			80.3
594	0594	Nguyễn Thị Nhung	10/7/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
595	0595	Nguyễn Thị Nhung	09/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.2
596	0596	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	03/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.0
597	0597	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.0
598	0598	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.0
599	0599	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	22/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			85.0
600	0600	Nguyễn Thị Trang Nhung	01/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.5
601	0601	Phạm Hồng Nhung	12/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.0
602	0602	Thái Thị Nhung	25/2/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.9
603	0603	Thân Thị Nhung	27/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.8
604	0604	Trần Thị Nhung	10/8/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			24.3
605	0605	Trần Thị Nhung	15/4/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.8
606	0606	Trần Thị Cẩm Nhung	01/9/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.0
607	0607	Trần Thị Hồng Nhung	28/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.5
608	0608	Lê Quỳnh Như	22/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.5
609	0609	Lê Thị Thảo Như	24/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.0



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
610	0610	Lê Tố	Như	13/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
611	0611	Nguyễn Quỳnh	Như	27/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.0
612	0612	Nguyễn Thị	Như	11/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.0
613	0613	Trần Thị Quỳnh	Như	04/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.5
614	0614	Trần Thị Quỳnh	Như	21/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.0
615	0615	Trần Me	Ni	12/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			24.5
616	0616	Dương Thị Thảo	Ninh	15/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			68.3
617	0617	Bùi Ngọc	Oanh	02/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.0
618	0618	Cao Ngọc	Oanh	16/10/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
619	0619	Cao Thị Kim	Oanh	22/4/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			13.0
620	0620	Đào Nguyễn Ngọc	Oanh	02/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.3
621	0621	Đinh Nữ Kiều	Oanh	05/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.5
622	0622	Hoàng Thị	Oanh	02/3/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
623	0623	Nguyễn Thị Kim	Oanh	22/9/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.3
624	0624	Nguyễn Trần Lâm	Oanh	15/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.5
625	0625	Vũ Thị Kim	Oanh	11/08/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.3
626	0626	Lê Thị	Phong	06/9/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.7
627	0627	Lê Thị	Phúc	20/3/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.0
628	0628	Phạm Thị Hiền	Phúc	24/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			11.3
629	0629	Dương Thị	Phước	10/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			15.3
630	0630	Trần Hoa	Phước	18/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.5
631	0631	Đặng Thị Thu	Phương	04/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.0
632	0632	Lê Thị Thu	Phương	17/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
633	0633	Nguyễn Thanh	Phương	02/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.0
634	0634	Nguyễn Thị	Phương	06/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			74.5
635	0635	Nguyễn Thị Hà	Phương	12/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.5
636	0636	Nguyễn Thị Hoài	Phương	24/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.4
637	0637	Nguyễn Thị Thảo	Phương	06/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.8
638	0638	Phạm Thị Thu	Phương	24/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.8
639	0639	Phan Thị Lan	Phương	04/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.0
640	0640	Phan Thị Thu	Phương	15/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.0
641	0641	Trần Thị Hà	Phương	29/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.6
642	0642	Trần Thị Thu	Phương	07/5/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.4
643	0643	Hồ Hồng	Quân	07/6/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.5
644	0644	Nguyễn Minh	Quân	08/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.4
645	0645	Nguyễn Phương	Quý	04/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
646	0646	Nguyễn Thị Quý	10/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.6
647	0647	Hoàng Ngọc Diệu Quyên	01/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.3
648	0648	Trần Nguyễn Diệu Quyên	08/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.4
649	0649	Trần Thị Quyên	30/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.4
650	0650	Bùi Thị Diễm Quỳnh	29/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.3
651	0651	Bùi Thị Thúy Quỳnh	14/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.5
652	0652	Cao Như Quỳnh	02/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.0
653	0653	Đặng Thị Quỳnh	19/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.9
654	0654	Đặng Thị Như Quỳnh	10/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.5
655	0655	Đoàn Thị Diễm Quỳnh	21/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			81.0
656	0656	Hoàng Thảo Quỳnh	10/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.3
657	0657	Hoàng Thị Thảo Quỳnh	11/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.8
658	0658	Lê Thị Như Quỳnh	26/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.8
659	0659	Lưu Thị Quỳnh	26/9/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.4
660	0660	Ngô Thị Như Quỳnh	28/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		57.6
661	0661	Nguyễn Như Quỳnh	25/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.0
662	0662	Nguyễn Thị Quỳnh	19/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.0
663	0663	Nguyễn Thị Quỳnh	26/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.5
664	0664	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	14/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.8
665	0665	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.5
666	0666	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
667	0667	Phạm Thị Như Quỳnh	09/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.8
668	0668	Phạm Thị Như Quỳnh	24/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
669	0669	Phan Thị Quỳnh	24/2/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.0
670	0670	Phan Thị Như Quỳnh	14/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.6
671	0671	Phan Thị Như Quỳnh	09/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.8
672	0672	Tổng Thị Quỳnh	14/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.6
673	0673	Trần Thị Như Quỳnh	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.3
674	0674	Dương Thị Sang	16/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.9
675	0675	Nguyễn Thu Sang	16/10/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.0
676	0676	Trần Thu Sang	10/8/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			86.5
677	0677	Võ Thị Sang	25/3/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.5
678	0678	Dương Thị Băng Sương	31/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.8
679	0679	Nguyễn Thị Tuyết Sương	22/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.4
680	0680	Đậu Thị Tâm	09/5/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.5
681	0681	Hoàng Mỹ Tâm	20/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
682	0682	Lê Thị Tâm	21/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.6
683	0683	Nguyễn Thị Tâm	01/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.5
684	0684	Nguyễn Thị Minh Tâm	06/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.8
685	0685	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	18/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.3
686	0686	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/9/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB Loại A		21.6
687	0687	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.3
688	0688	Phạm Thị Thanh Tâm	08/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.8
689	0689	Phan Thị Tâm	18/04/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
690	0690	Trần Mỹ Tâm	22/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.0
691	0691	Trần Thị Tâm	28/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.5
692	0692	Trịnh Thị Thanh Tâm	02/11/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.3
693	0693	Phan Thị Tâm	30/5/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			79.5
694	0694	Đặng Thị Thanh	02/8/1996	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.3
695	0695	Nguyễn Thị Thanh	7/7/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			23.0
696	0696	Nguyễn Thị Huyền Thanh	17/12/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.9
697	0697	Nguyễn Thị Huyền Thanh	25/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
698	0698	Nguyễn Thị Thúy Thanh	22/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.8
699	0699	Thái Hà Thanh	09/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.6
700	0700	Nguyễn Văn Thành	16/7/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.3
701	0701	Trần Thị Thành	11/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.3
702	0702	Trần Thị Thành	10/5/1986	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.0
703	0703	Bùi Thị Thảo	01/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.4
704	0704	Đậu Thị Phương Thảo	04/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.3
705	0705	Đinh Thị Phương Thảo	15/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
706	0706	Đoàn Phương Thảo	22/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
707	0707	Đỗ Phương Thảo	11/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.0
708	0708	Hoàng Thị Phương Thảo	19/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.0
709	0709	Lữ Thị Phương Thảo	01/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.1
710	0710	Lưu Thị Phương Thảo	29/12/2023	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
711	0711	Nguyễn Phương Thảo	06/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.3
712	0712	Nguyễn Thanh Thảo	05/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.8
713	0713	Nguyễn Thị Thảo	03/7/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			72.0
714	0714	Nguyễn Thị Thảo	18/12/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.5
715	0715	Nguyễn Thị Thảo	12/3/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.6
716	0716	Nguyễn Thị Thảo	18/7/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
717	0717	Nguyễn Thị Mai Thảo	24/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
718	0718	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	25/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			19.0
719	0719	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.1
720	0720	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			69.5
721	0721	Phan Thị Thảo	08/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			89.4
722	0722	Quách Thị Phương Thảo	28/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			81.4
723	0723	Trần Dương Phương Thảo	10/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			18.3
724	0724	Trần Thị Thảo	20/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.8
725	0725	Trần Thị Thu Thảo	08/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.4
726	0726	Trần Thị Thu Thảo	14/8/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.9
727	0727	Trương Trần Thị Phương Thảo	06/6/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
728	0728	Võ Phương Thảo	06/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.5
729	0729	Vương Thị Như Thảo	07/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
730	0730	Lương Thị Thân	16/9/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.8
731	0731	Nghiêm Thị Hồng Thắm	18/5/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
732	0732	Nguyễn Thị Hồng Thắm	28/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.5
733	0733	Thái Thị Hồng Thắm	02/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.8
734	0734	Trần Thị Hồng Thắm	20/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.8
735	0735	Trần Thị Hồng Thắm	19/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			75.5
736	0736	Đinh Đức Thắng	30/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.1
737	0737	Trần Út Thêm	21/8/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5
738	0738	Nguyễn Thị Thiện	05/9/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
739	0739	Đinh Thị Kim Thoa	24/6/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.4
740	0740	Cao Ngọc Thoan	01/02/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
741	0741	Phạm Thị Anh Thơ	02/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.5
742	0742	Nguyễn Thị Thơm	16/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			16.4
743	0743	Nguyễn Thị Hoài Thơm	06/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.0
744	0744	Phan Thị Thơm	21/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			14.8
745	0745	Lê Thị Thu	04/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.3
746	0746	Lê Thị Thu	15/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.0
747	0747	Phạm Thị Lệ Thu	08/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.2
748	0748	Hồ Thị Thuận	10/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.1
749	0749	Đoàn Thị Thu Thúy	13/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.6
750	0750	Hoàng Thị Thúy	15/8/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.3
751	0751	Lê Thị Thúy	22/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.3
752	0752	Nguyễn Thị Thúy	10/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			21.4
753	0753	Nguyễn Thị Thúy	04/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
754	0754	Nguyễn Thị Diệu Thúy	11/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.2
755	0755	Phạm Thị Diệu Thúy	16/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			21.0
756	0756	Phan Diệu Thúy	15/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.0
757	0757	Trần Thị Thúy	02/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.9
758	0758	Trương Thị Thúy	25/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.1
759	0759	Trương Thị Thanh Thúy	01/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			80.9
760	0760	Hồ Thị Thù	30/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.6
761	0761	Hồ Thị Thù	12/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.5
762	0762	Ngân Thị Bích Thù	26/11/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5
763	0763	Nguyễn Thị Phương Thù	15/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.0
764	0764	Trần Ngọc Thù	24/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5
765	0765	Bùi Thị Thu Thù	02/9/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.6
766	0766	Hoàng Thị Thù	02/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.0
767	0767	Kiều Thị Thanh Thù	09/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			74.0
768	0768	Lê Thị Thù	10/8/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.8
769	0769	Nguyễn Thị Thù	12/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.5
770	0770	Nguyễn Thị Thù	29/10/1988	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.5
771	0771	Nguyễn Thị Thanh Thù	04/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.5
772	0772	Phan Thị Kim Thù	14/06/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.8
773	0773	Trần Thị Thù	02/9/1986	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
774	0774	Nguyễn Hoàng Thù	14/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.1
775	0775	Nguyễn Thị Thù	25/7/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
776	0776	Lê Thị Thương	23/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.8
777	0777	Lê Thị Thương	23/6/1996	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.0
778	0778	Lê Thị Hiền Thương	16/1/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.9
779	0779	Lê Thị Hoài Thương	04/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.3
780	0780	Nguyễn Thị Thương	13/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.0
781	0781	Nguyễn Thị Thương	18/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.6
782	0782	Nguyễn Thị Hoài Thương	10/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.4
783	0783	Nguyễn Thị Hoài Thương	16/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			24.5
784	0784	Trần Thị Thương	10/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.5
785	0785	Trần Thị Huyền Thương	08/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB 4/4		53.4
786	0786	Trần Thị Kim Thương	24/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.2
787	0787	Nguyễn Thị Thương	21/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.5
788	0788	Đậu Hồ Thủy Tiên	05/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.6
789	0789	Lê Trần Thủy Tiên	13/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			74.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
790	0790	Trần Thị Tiến	03/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			69.0
791	0791	Cao Thị Kim	12/5/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
792	0792	Hoàng Thị	28/3/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.4
793	0793	Tô Thị Kim	31/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.1
794	0794	Lê Thị	05/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.1
795	0795	Nguyễn Thị	03/8/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.0
796	0796	Nguyễn Thị Thanh	27/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
797	0797	Nguyễn Thị Thu	16/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.5
798	0798	Trần Thị Hương	26/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.0
799	0799	Bùi Thị Thùy	28/12/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		36.6
800	0800	Đào Huyền	10/2/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			18.1
801	0801	Đặng Thị Huyền	19/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.9
802	0802	Đặng Thị Thùy	06/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.5
803	0803	Đinh Thị Hà	25/5/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.3
804	0804	Đinh Thị Huyền	07/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
805	0805	Đinh Thị Thùy	30/7/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		43.7
806	0806	Hà Thị Quỳnh	02/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.4
807	0807	Hoàng Thị	04/8/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.1
808	0808	Hồ Thị	10/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.0
809	0809	Lê Thị Huyền	27/12/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			64.3
810	0810	Lê Thị Quỳnh	10/10/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.5
811	0811	Lê Thị Quỳnh	25/6/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			32.0
812	0812	Lộc Thị Thùy	01/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		43.0
813	0813	Nguyễn Ngọc	29/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			44.5
814	0814	Nguyễn Thanh	30/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.0
815	0815	Nguyễn Thanh Huyền	14/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.5
816	0816	Nguyễn Thị	29/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.0
817	0817	Nguyễn Thị	22/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.0
818	0818	Nguyễn Thị	02/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			20.5
819	0819	Nguyễn Thị	12/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
820	0820	Nguyễn Thị Hà	10/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.8
821	0821	Nguyễn Thị Huyền	19/10/1997	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			71.5
822	0822	Nguyễn Thị Huyền	24/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.5
823	0823	Nguyễn Thị Huyền	16/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.5
824	0824	Nguyễn Thị Huyền	02/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			2.5
825	0825	Nguyễn Thị Huyền	17/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			60.0



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
826	0826	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	15/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.2
827	0827	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			28.8
828	0828	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.0
829	0829	Nguyễn Thùy	Trang	26/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			61.5
830	0830	Phạm Quỳnh	Trang	06/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			56.3
831	0831	Phạm Thị Huyền	Trang	21/6/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.1
832	0832	Phan Thị Thu	Trang	18/10/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.5
833	0833	Thái Thị	Trang	20/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.3
834	0834	Tô Thị Quỳnh	Trang	27/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.8
835	0835	Trần Thị	Trang	17/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.0
836	0836	Trần Thị Huyền	Trang	13/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.0
837	0837	Trần Thị Huyền	Trang	22/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
838	0838	Trần Thị Quỳnh	Trang	20/2/1996	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.0
839	0839	Trần Thị Thu	Trang	23/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			40.5
840	0840	Võ Minh	Trang	20/11/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	Con TB 4/4	Vắng thi	
841	0841	Võ Thị	Trang	28/10/1989	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.0
842	0842	Võ Thị Huyền	Trang	04/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.0
843	0843	Vũ Thị Huyền	Trang	10/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			74.5
844	0844	Bùi Thị Hồng	Trâm	05/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			55.0
845	0845	Dương Thị	Trâm	11/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			41.0
846	0846	Đặng Thị Ngọc	Trâm	10/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			62.5
847	0847	Đặng Thị Quỳnh	Trâm	24/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.4
848	0848	Nguyễn Thị	Trâm	28/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			70.0
849	0849	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	20/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.1
850	0850	Nguyễn Thị Thục	Trâm	03/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.0
851	0851	Trần Thị Huyền	Trâm	08/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.1
852	0852	Trần Thị Mỹ	Trâm	01/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.5
853	0853	Lê Thị Lộc	Trinh	10/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			38.5
854	0854	Nguyễn Thị	Trinh	10/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.7
855	0855	Nguyễn Thị Phương	Trinh	18/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.6
856	0856	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	12/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.0
857	0857	Trần Thị Mỹ	Trinh	25/5/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			29.5
858	0858	Trần Thị Thảo	Trinh	30/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.3
859	0859	Cao Thị Thanh	Trúc	10/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.8
860	0860	Lê Thị	Trúc	01/02/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			46.0
861	0861	Nguyễn Thị	Trúc	20/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.5



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
862	0862	Nguyễn Thị Kim	Trúc	16/7/1999	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.6
863	0863	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			66.5
864	0864	Trần Thị	Trúc	27/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	con nuôi TB 4/4		42.5
865	0865	Văn Thị Thanh	Trúc	30/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.3
866	0866	Đình Quang	Trung	20/6/1996	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
867	0867	Dương Thị Ngọc	Tú	01/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			53.9
868	0868	Đoàn Thị Ngọc	Tú	20/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.8
869	0869	Nguyễn Thị Anh	Tú	06/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.5
870	0870	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	04/12/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.0
871	0871	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	22/6/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.4
872	0872	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	18/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.0
873	0873	Trần Thị Cẩm	Tú	22/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			82.0
874	0874	Đình Thanh	Tuấn	15/8/1993	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
875	0875	Nguyễn Anh	Tuấn	02/12/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
876	0876	Đình Thanh	Tùng	02/7/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
877	0877	Cao Thị Hà	Tuyên	14/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			67.5
878	0878	Lê Thị	Tuyệt	20/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			22.3
879	0879	Nguyễn Thị	Tuyệt	02/10/1991	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			69.8
880	0880	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	21/02/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.3
881	0881	Nguyễn Thị Lệ	Tuyệt	03/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			76.0
882	0882	Trần Thị	Tuyệt	10/02/2000	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			57.5
883	0883	Đặng Thị Tú	Uyên	28/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			63.0
884	0884	Lê Thị Thu	Uyên	15/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.3
885	0885	Nguyễn Hoàng Lâm	Uyên	07/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.1
886	0886	Nguyễn Thị Hải	Uyên	07/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			58.8
887	0887	Nguyễn Thị Thu	Uyên	19/01/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			84.1
888	0888	Nguyễn Thu	Uyên	23/9/2001	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
889	0889	Phạm Thị Tố	Uyên	19/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			65.0
890	0890	Trần Thị Tú	Uyên	07/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
891	0891	Đình Thị Thanh	Vân	28/4/1995	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			34.5
892	0892	Lê Thị	Vân	16/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
893	0893	Lê Thị Cẩm	Vân	26/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.5
894	0894	Lê Thị Tường	Vân	24/7/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			85.3
895	0895	Nguyễn Thị	Vân	15/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			59.3
896	0896	Nguyễn Thị	Vân	24/01/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			47.5
897	0897	Nguyễn Thị Hồng	Vân	12/11/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.8



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
898	0898	Nguyễn Thúy Vân	20/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.9
899	0899	Thái Thị Vân	15/7/1992	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.3
900	0900	Nguyễn Thị Hà Vi	05/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			30.0
901	0901	Lê Thị Việt	24/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			37.0
902	0902	Lê Thị Hồng Vinh	15/5/1994	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
903	0903	Lê Thị Trà Vinh	19/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			45.5
904	0904	Lê Nguyễn Khánh Vy	18/3/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			77.8
905	0905	Lê Thị Khánh Vy	01/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			50.3
906	0906	Nguyễn Nhật Vy	12/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			39.4
907	0907	Nguyễn Thị Thùy Vy	24/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			83.5
908	0908	Trịnh Khánh Vy	18/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.1
909	0909	Võ Thị Khánh Vy	22/3/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			31.8
910	0910	Nguyễn Thị Xa	10/02/1990	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.4
911	0911	Đinh Thị Xoan	09/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			33.0
912	0912	Trần Thị Như Ý	08/12/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.8
913	0913	Bùi Lê Hoàng Yên	01/7/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			19.4
914	0914	Dương Thị Hải Yên	15/12/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			52.3
915	0915	Đào Thị Yên	11/9/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
916	0916	Hoàng Thị Yên	23/4/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			86.3
917	0917	Hoàng Thị Hải Yên	28/8/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			73.9
918	0918	Lê Nguyễn Hải Yên	15/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			27.8
919	0919	Lê Nguyễn Hải Yên	11/07/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			42.8
920	0920	Lê Thị Yên	01/5/1996	GV Tiểu học (môn Văn hóa)		Vắng thi	
921	0921	Ngô Thị Như Yên	28/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)	DTTS		60.8
922	0922	Nguyễn Hải Yên	18/10/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			54.5
923	0923	Nguyễn Thị Hải Yên	26/11/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			76.9
924	0924	Nguyễn Thị Hải Yên	25/4/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			26.5
925	0925	Nguyễn Thị Hải Yên	25/2/2002	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			49.8
926	0926	Phan Thị Yên	01/10/1998	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			84.3
927	0927	Trần Thị Yên	20/6/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			36.3
928	0928	Trần Thị Hải Yên	29/9/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			51.4
929	0929	Trần Thị Hải Yên	22/5/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			48.8
930	0930	Trần Thị Tiểu Yên	09/8/2003	GV Tiểu học (môn Văn hóa)			35.0
931	0931	Hà Hồng Anh	12/01/1986	GV Tiểu học (GDTC)	Con TB 1/4		47.6
932	0932	Hồ Thị Hải Anh	10/11/1991	GV Tiểu học (GDTC)			50.1
933	0933	Trần Văn Cảnh	17/5/1985	GV Tiểu học (GDTC)			50.6



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
934	0934	Chu Hồng Công	31/01/1999	GV Tiểu học (GDTC)			46.6
935	0935	Trần Văn Cường	06/9/1989	GV Tiểu học (GDTC)	Con TB 4/4		38.5
936	0936	Trương Anh Dũng	01/9/2001	GV Tiểu học (GDTC)	DTTS		26.5
937	0937	Võ Thị Nhật Hạ	12/5/2001	GV Tiểu học (GDTC)		Vắng thi	
938	0938	Nguyễn Văn Hạnh	20/10/1989	GV Tiểu học (GDTC)	Con BB 61%		39.5
939	0939	Đặng Thị Hiền	15/9/1996	GV Tiểu học (GDTC)			44.6
940	0940	Võ Thị Hoài	08/3/1993	GV Tiểu học (GDTC)			45.1
941	0941	Phan Văn Hoàng	29/7/1994	GV Tiểu học (GDTC)			60.5
942	0942	Lê Thị Mai Hương	28/5/2003	GV Tiểu học (GDTC)			44.4
943	0943	Bùi Đăng Khoa	12/9/1988	GV Tiểu học (GDTC)	Con TB		80.0
944	0944	Nguyễn Đình Bảo Kiên	23/11/2002	GV Tiểu học (GDTC)			26.3
945	0945	Trần Ngọc Luân	10/2/1991	GV Tiểu học (GDTC)			50.0
946	0946	Nguyễn Thế Nhật	10/9/1987	GV Tiểu học (GDTC)			13.3
947	0947	Trần Trang Nhung	14/10/1988	GV Tiểu học (GDTC)			43.1
948	0948	Phan Bích Phương	14/11/1990	GV Tiểu học (GDTC)			38.8
949	0949	Trần Lê Đình Quý	16/11/2002	GV Tiểu học (GDTC)			38.5
950	0950	Nguyễn Thị Quyên	17/11/1991	GV Tiểu học (GDTC)			50.3
951	0951	Trần Văn Sơn	06/6/2002	GV Tiểu học (GDTC)			32.3
952	0952	Đinh Văn Sỹ	03/9/2003	GV Tiểu học (GDTC)			27.8
953	0953	Dương Mạnh Tài	03/8/2001	GV Tiểu học (GDTC)			23.0
954	0954	Nguyễn Quang Tài	18/02/1990	GV Tiểu học (GDTC)			29.5
955	0955	Nguyễn Thị Thu Thắm	01/7/1987	GV Tiểu học (GDTC)			35.5
956	0956	Trần Thị Thêm	16/01/1996	GV Tiểu học (GDTC)			52.5
957	0957	Phạm Quốc Toàn	28/6/1999	GV Tiểu học (GDTC)			54.0
958	0958	Cao Thị Thanh Trà	15/01/2002	GV Tiểu học (GDTC)		Vắng thi	
959	0959	Trần Thị Huyền Trang	12/9/1994	GV Tiểu học (GDTC)			45.8
960	0960	Nguyễn Thị Huyền Anh	10/4/1991	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			53.9
961	0961	Từ Minh Anh	09/4/1999	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			75.5
962	0962	Lê Thị Ngọc Ánh	19/01/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			52.3
963	0963	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/5/1999	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			62.0
964	0964	Trần Thị Kim Ánh	12/01/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			62.8
965	0965	Nguyễn Thị Bình	15/4/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			45.6
966	0966	Nguyễn Thị Ánh Bình	01/10/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
967	0967	Nguyễn Thị Ngọc Châu	01/8/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			55.5
968	0968	Trần Đặng Yến Chi	16/6/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			57.0
969	0969	Trần Hoài Chi	28/6/1994	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			34.0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
970	0970	Nguyễn Thị Ngọc Chuyên	23/7/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			37.5
971	0971	Nguyễn Thị Dung	28/5/1992	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			41.8
972	0972	Nguyễn Thùy Dương	24/10/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			29.3
973	0973	Nguyễn Thị Đăng	05/10/2001	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			67.3
974	0974	Phạm Thị Định	13/9/1988	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			55.0
975	0975	Hoàng Anh Đức	19/11/2000	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			58.3
976	0976	Lê Châu Giang	19/10/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			42.1
977	0977	Trần Thị Kiều Giang	03/4/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			70.4
978	0978	Cao Thanh Hà	04/6/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			52.1
979	0979	Hàn Thị Hà	30/6/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			19.3
980	0980	Nguyễn Thị Cẩm Hà	10/02/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			21.3
981	0981	Nguyễn Thị Vũ Hà	22/9/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			51.0
982	0982	Trần Thị Hà	16/8/1993	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			29.3
983	0983	Lê Thị Hồng Hạnh	24/8/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			14.7
984	0984	Đặng Thị Khánh Hiền	15/02/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
985	0985	Hà Thị Thu Hiền	30/10/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
986	0986	Lê Thị Hiền	05/5/1990	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			74.4
987	0987	Nguyễn Thị Hiền	16/3/1999	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			60.5
988	0988	Phạm Thị Thu Hiền	20/11/2001	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			58.3
989	0989	Bùi Thị Minh Hiếu	01/8/1992	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)	con TB loại A		57.3
990	0990	Thái Thị Hoa	21/7/1994	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			34.0
991	0991	Phan Nhật Hoàng	16/4/2001	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
992	0992	Lê Thị Hồng	12/10/2001	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			61.6
993	0993	Nguyễn Phụng Hồng	29/3/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			77.8
994	0994	Nguyễn Thị Hồng	01/02/1990	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
995	0995	Nguyễn Thị Hợp	04/8/1999	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
996	0996	Trần Thị Huệ	06/6/1989	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			47.3
997	0997	Lê Khánh Huyền	21/02/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			65.3
998	0998	Lê Thị Diệu Huyền	12/7/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			62.0
999	0999	Nguyễn Ngọc Huyền	27/9/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			57.5
1000	1000	Nguyễn Thị Huyền	27/7/1989	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1001	1001	Nguyễn Thị Huyền	21/01/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			41.5
1002	1002	Nguyễn Thị Khánh Huyền	23/9/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			58.5
1003	1003	Trần Trọng Kim	16/3/1982	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1004	1004	Phạm Thị Hồng Lam	10/6/1990	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			48.2
1005	1005	Nguyễn Thị Kim Liên	07/8/1990	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			41.3



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
1006	1006	Đậu Thị Khánh Linh	02/12/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			40.4
1007	1007	Nguyễn Thị Ngọc Linh	04/5/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			59.9
1008	1008	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/6/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			45.3
1009	1009	Phạm Lê Khánh Linh	10/10/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			65.9
1010	1010	Phan Thị Khánh Linh	10/10/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			75.4
1011	1011	Thái Thị Loan	20/3/1992	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			54.8
1012	1012	Đoàn Minh Lương	11/05/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			76.0
1013	1013	Võ Thị Lưu	19/5/1990	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			74.5
1014	1014	Phạm Trần Văn Ly	08/3/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			43.0
1015	1015	Trần Thị Khánh Ly	19/9/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			62.3
1016	1016	Chu Thị Lý	12/4/1992	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			59.4
1017	1017	Lê Thị Thanh Mai	02/7/1994	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			52.0
1018	1018	Nguyễn Thị Thanh Mai	23/4/1990	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			75.0
1019	1019	Phan Thị Ngọc Mai	02/8/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			44.5
1020	1020	Lê Phan Trà My	02/8/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			60.3
1021	1021	Nguyễn Thị Trà My	10/8/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			35.5
1022	1022	Nguyễn Thị Mỹ	06/9/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			51.5
1023	1023	Nguyễn Thị Nga	01/10/1991	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			64.8
1024	1024	Nguyễn Thị Nga	19/10/1988	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			39.0
1025	1025	Phan Thị Thanh Ngân	23/3/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			54.3
1026	1026	Võ Thị Nhân	05/4/1989	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			49.0
1027	1027	Đinh Thị Yến Nhi	20/03/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			78.0
1028	1028	Nguyễn Thị Linh Nhi	01/11/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			38.3
1029	1029	Phan Lê Vân Nhi	24/4/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			75.8
1030	1030	Trần Yến Nhi	22/12/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			55.9
1031	1031	Lương Thị Nhung	02/9/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			56.5
1032	1032	Nguyễn Thị Nhung	05/3/1991	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			35.1
1033	1033	Nguyễn Thị Huyền Nhung	20/2/1996	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			50.0
1034	1034	Chu Thị Quỳnh Như	02/7/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			57.3
1035	1035	Hồ Thị Như	26/6/2001	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			33.4
1036	1036	Bùi Đặng Hàn Ni	26/11/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			50.5
1037	1037	Lê Kiều Oanh	27/3/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			58.8
1038	1038	Dương Minh Phương	09/10/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			42.3
1039	1039	Lê Thị Phương	23/3/1999	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			32.8
1040	1040	Võ Thị Thu Phương	13/6/2001	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			44.8
1041	1041	Võ Thị Thu Phương	06/01/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			63.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
1042	1042	Đặng Thị Phụng	10/3/1990	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			61.5
1043	1043	Phùng Thị Quyên	19/7/1995	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1044	1044	Trần Thị Quỳnh	20/10/1998	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1045	1045	Nguyễn Thị Hoài Thanh	19/01/1993	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1046	1046	Phan Thanh Thanh	25/12/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1047	1047	Nguyễn Thị Thảo	23/4/1996	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1048	1048	Hồ Phạm Anh Thơ	29/11/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			66.5
1049	1049	Nguyễn Minh Thúy	10/5/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1050	1050	Nguyễn Thị Thanh Thùy	16/3/1996	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			38.3
1051	1051	Lê Thị Thùy	08/12/1995	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			29.3
1052	1052	Thái Thị Thu Thủy	23/5/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			60.8
1053	1053	Lê Thị Thương	01/01/1989	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			55.8
1054	1054	Phan Thị Hoài Thương	18/9/2001	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			58.0
1055	1055	Phan Thị Hoài Thương	01/7/1999	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1056	1056	Trần Thị Huyền Thương	28/8/1995	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			59.3
1057	1057	Từ Anh Thương	20/4/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			61.3
1058	1058	Lê Thu Phương Trà	07/01/1996	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			71.5
1059	1059	Chu Hà Trang	22/12/1994	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			52.8
1060	1060	Nguyễn Thị Trang	08/9/1998	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			74.8
1061	1061	Nguyễn Thị Trang	11/7/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			66.5
1062	1062	Nguyễn Thị Trang	20/4/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1063	1063	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/2/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			66.5
1064	1064	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/5/1999	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			52.1
1065	1065	Phạm Thị Hà Trang	02/12/1993	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			67.5
1066	1066	Trần Thị Cẩm Tú	14/2/1998	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)		Vắng thi	
1067	1067	Nguyễn Thị Phương Uyên	20/12/2002	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			30.5
1068	1068	Võ Thị Mỹ Uyên	05/9/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			65.8
1069	1069	Hoàng Thị Hải Yến	10/10/2003	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			36.3
1070	1070	Nguyễn Thị Hải Yến	21/9/1995	GV Tiểu học (môn Tiếng Anh)			51.5
1071	1071	Trần Thị Diệu An	25/8/2001	GV Tiểu học (Tin học)			77.4
1072	1072	Trần Thị Bích	14/11/1996	GV Tiểu học (Tin học)		Vắng thi	
1073	1073	Lê Thị Hồng Dung	03/11/2003	GV Tiểu học (Tin học)			48.0
1074	1074	Trương Thị Dung	26/7/1982	GV Tiểu học (Tin học)			62.3
1075	1075	Dương Thị Như Hoa	03/6/2003	GV Tiểu học (Tin học)			68.3
1076	1076	Nguyễn Thị Hoa	10/8/1988	GV Tiểu học (Tin học)			74.7
1077	1077	Lê Thị Huyền	02/7/1988	GV Tiểu học (Tin học)			78.0



		Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm thi
1078	1078	Phan Thị Lam	05/02/1998	GV Tiểu học (Tin học)		Vắng thi	
1079	1079	Nguyễn Thị Cẩm Ly	12/11/2001	GV Tiểu học (Tin học)			59.4
1080	1080	Nguyễn Thị Phương Nga	22/2/1991	GV Tiểu học (Tin học)		Vắng thi	
1081	1081	Nguyễn Thị Niêm	20/5/1991	GV Tiểu học (Tin học)			72.9
1082	1082	Nguyễn Thị Phương	08/7/1991	GV Tiểu học (Tin học)	Con TB 4/4		55.4
1083	1083	Võ Thị Sứ	16/4/1985	GV Tiểu học (Tin học)			52.5
1084	1084	Nguyễn Thị Thảo	02/10/1991	GV Tiểu học (Tin học)			75.5
1085	1085	Võ Thị Thu	15/5/1990	GV Tiểu học (Tin học)			66.8
1086	1086	Lương Thị Phương Thúy	16/10/1989	GV Tiểu học (Tin học)			52.5
1087	1087	Trần Thị Thùy	02/8/1986	GV Tiểu học (Tin học)			41.0
1088	1088	Nguyễn Thị Trang	04/9/1987	GV Tiểu học (Tin học)			61.0
1089	1089	Vương Thị Hải Yến	07/11/1991	GV Tiểu học (Tin học)			76.4

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



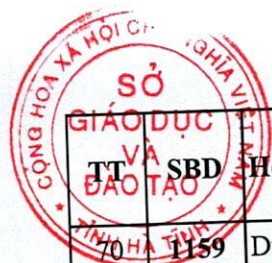
KẾT QUẢ VÒNG 2 (THI VIẾT) KỲ THI TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /11/2025 của HĐTD Sở GDĐT Hà Tĩnh)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
1	1090	Cù Thị Tú	Anh	18/3/2001	GV Mầm non			41.0
2	1091	Hoàng Thị Kiều	Anh	12/6/2001	GV Mầm non			71.3
3	1092	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/4/2003	GV Mầm non			35.8
4	1093	Trần Phương	Anh	07/3/2003	GV Mầm non			38.8
5	1094	Trần Thị Quỳnh	Anh	16/5/2001	GV Mầm non			44.3
6	1095	Trương Thị Vân	Anh	20/8/2000	GV Mầm non			74.0
7	1096	Nguyễn Thị	Ánh	20/12/1995	GV Mầm non		Vắng thi	
8	1097	Nguyễn Thị	Ánh	18/02/2003	GV Mầm non			82.0
9	1098	Lê Thị	Bé	04/03/2003	GV Mầm non			28.0
10	1099	Nguyễn Thị	Bé	28/8/1994	GV Mầm non		Vắng thi	
11	1100	Nguyễn Thị	Bé	30/5/1999	GV Mầm non			47.0
12	1101	Đặng Thị	Bình	08/09/1999	GV Mầm non			56.0
13	1102	Lê Thị	Bình	11/12/2001	GV Mầm non			66.2
14	1103	Nguyễn Thị	Bình	14/7/1995	GV Mầm non			47.6
15	1104	Võ Thị Diêu	Bông	02/11/2003	GV Mầm non			28.9
16	1105	Chu Thị	Cầm	20/4/1995	GV Mầm non			79.5
17	1106	Lê Ngọc	Cầm	14/01/2001	GV Mầm non			54.4
18	1107	Nguyễn Thị Linh	Chi	08/8/2002	GV Mầm non			53.9
19	1108	Nguyễn Thị Phương	Chi	24/9/1989	GV Mầm non			41.0
20	1109	Phan Thị	Chiêm	12/8/1993	GV Mầm non		Vắng thi	
21	1110	Trương Thị Thuý	Chung	24/4/1996	GV Mầm non		Vắng thi	
22	1111	Võ Thị	Diên	05/6/1991	GV Mầm non			86.2
23	1112	Hoàng Thị	Dung	13/02/1990	GV Mầm non			41.0
24	1113	Lâm Thị Thuý	Dung	12/4/2002	GV Mầm non			46.4
25	1114	Lê Thuý	Dung	16/11/1996	GV Mầm non			62.8
26	1115	Nguyễn Thị Thuý	Dung	15/12/1994	GV Mầm non		Vắng thi	
27	1116	Phạm Thị	Dung	06/9/1991	GV Mầm non	Con TB		53.3
28	1117	Phan Thị Mai	Dung	12/7/2002	GV Mầm non			14.5
29	1118	Phan Thị Thuý	Dung	22/6/1996	GV Mầm non			55.5
30	1119	Đậu Thị	Duyên	20/7/1991	GV Mầm non	Con TB	Vắng thi	
31	1120	Đinh Thị Mỹ	Duyên	28/10/2003	GV Mầm non			46.5
32	1121	Nguyễn Thị	Duyên	17/10/2003	GV Mầm non			59.5
33	1122	Phạm Thị Mai	Duyên	14/5/1986	GV Mầm non	Con TB		60.5



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
34	1123	Phan Thị Duyên	01/01/2000	GV Mầm non			76.5
35	1124	Phan Thị Duyên	03/7/2000	GV Mầm non			56.6
36	1125	Nguyễn Thu Định	16/01/2003	GV Mầm non			53.1
37	1126	Trần Thị Độ	19/6/1991	GV Mầm non			64.3
38	1127	Dương Thị Trà	28/01/1993	GV Mầm non			82.4
39	1128	Hồ Thị Giang	15/10/2003	GV Mầm non			14.5
40	1129	Lê Thị Hương	20/4/2003	GV Mầm non			36.5
41	1130	Nguyễn Hương	07/01/2002	GV Mầm non		Vắng thi	
42	1131	Phạm Thị Giang	08/6/2000	GV Mầm non			67.4
43	1132	Đồng Thị Hà	01/10/2000	GV Mầm non			70.3
44	1133	Hà Thị Hà	07/7/1991	GV Mầm non			57.5
45	1134	Nguyễn Thị Hà	02/7/1999	GV Mầm non			65.5
46	1135	Nguyễn Thị Hà	20/10/1996	GV Mầm non			46.8
47	1136	Nguyễn Thị Ngọc	24/12/2003	GV Mầm non			74.8
48	1137	Nguyễn Thị Thu	23/8/2003	GV Mầm non			37.5
49	1138	Phạm Thị Hà	04/6/1995	GV Mầm non		Vắng thi	
50	1139	Trần Thị Hà	16/12/1999	GV Mầm non			51.0
51	1140	Đoàn Yến	08/12/1995	GV Mầm non			76.0
52	1141	Lê Thị Thanh	11/12/2003	GV Mầm non			31.5
53	1142	Dương Thị Hạnh	12/9/1995	GV Mầm non		Vắng thi	
54	1143	Nguyễn Thị Hạnh	24/10/1998	GV Mầm non			52.8
55	1144	Nguyễn Thị Mỹ	13/10/2003	GV Mầm non		Vắng thi	
56	1145	Trần Thị Hạnh	01/7/1994	GV Mầm non			57.5
57	1146	Đặng Thị Thuý	26/11/2003	GV Mầm non			29.3
58	1147	Lê Thị Thuý	28/11/1991	GV Mầm non			73.8
59	1148	Nguyễn Thị Hằng	02/02/1997	GV Mầm non			37.4
60	1149	Nguyễn Thị Mỹ	20/11/2002	GV Mầm non	Bộ bị CDDC		28.0
61	1150	Phạm Thị Thu	18/7/1996	GV Mầm non			46.6
62	1151	Phan Thị Thanh	20/02/1995	GV Mầm non			30.3
63	1152	Trần Thị Hằng	07/6/1990	GV Mầm non			46.3
64	1153	Trần Thị Bích	29/9/2000	GV Mầm non			82.2
65	1154	Triệu Thị Hằng	28/4/1982	GV Mầm non	DTTS		39.1
66	1155	Trịnh Thị Thuý	08/5/1998	GV Mầm non			17.9
67	1156	Trương Thị Hằng	02/9/1994	GV Mầm non			36.8
68	1157	Trương Thị Hằng	26/8/1998	GV Mầm non			39.0
69	1158	Biện Thị Thu	26/10/2002	GV Mầm non			28.9



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
70	1159	Dương Thị Hiền	Hiền	08/02/1991	GV Mầm non	Con TB		25.3
71	1160	Đương Thị Thu	Hiền	05/08/1995	GV Mầm non			40.4
72	1161	Đinh Thị Thu	Hiền	29/5/1999	GV Mầm non		Vắng thi	
73	1162	Hồ Thị	Hiền	26/7/2003	GV Mầm non			29.4
74	1163	Nguyễn Thị	Hiền	04/4/1995	GV Mầm non			27.2
75	1164	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/5/2002	GV Mầm non			25.3
76	1165	Phạm Thị	Hiền	25/11/2001	GV Mầm non		Vắng thi	
77	1166	Võ Thị	Hiền	01/9/2001	GV Mầm non		Vắng thi	
78	1167	Võ Thị	Hiền	14/4/2003	GV Mầm non			12.2
79	1168	Nguyễn Thị	Hiệp	20/12/2001	GV Mầm non			36.0
80	1169	Đinh Thị Nguyệt	Hoa	12/01/2001	GV Mầm non		Vắng thi	
81	1170	Hồ Thị	Hoa	15/12/1991	GV Mầm non			33.7
82	1171	Nguyễn Thị	Hoa	02/8/1991	GV Mầm non			77.3
83	1172	Nguyễn Thị	Hoa	10/01/1999	GV Mầm non			52.2
84	1173	Nguyễn Thị	Hoa	28/10/1989	GV Mầm non		Vắng thi	
85	1174	Nguyễn Thị Hạnh	Hoa	20/02/2003	GV Mầm non			25.9
86	1175	Phạm Thị	Hoa	01/9/1998	GV Mầm non			82.3
87	1176	Trần Thị	Hoa	05/3/1991	GV Mầm non			39.3
88	1177	Hoàng Thị	Hoà	20/01/1991	GV Mầm non			47.7
89	1178	Nguyễn Thị	Hoà	10/8/1988	GV Mầm non		Vắng thi	
90	1179	Nguyễn Thị	Hoà	03/01/1993	GV Mầm non			47.4
91	1180	Đồng Thị Thu	Hoài	26/10/1990	GV Mầm non			63.3
92	1181	Lê Thị	Hoài	05/7/1998	GV Mầm non			56.0
93	1182	Nguyễn Thị	Hoài	04/11/1993	GV Mầm non			68.9
94	1183	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	26/02/2003	GV Mầm non			20.5
95	1184	Phạm Thị Thanh	Hoài	02/10/1999	GV Mầm non			25.8
96	1185	Nguyễn Thị Kim	Hoàn	08/02/2003	GV Mầm non			54.5
97	1186	Nguyễn Thị	Hồng	04/4/1995	GV Mầm non			40.0
98	1187	Nguyễn Thị	Hồng	06/9/2000	GV Mầm non			41.4
99	1188	Phan Thị	Hồng	18/7/1997	GV Mầm non			58.0
100	1189	Nguyễn Thị	Huê	02/9/2002	GV Mầm non	Con TB		13.0
101	1190	Nguyễn Thị Kim	Huế	31/10/1995	GV Mầm non			54.8
102	1191	Nguyễn Thị Hoa	Huệ	04/6/2001	GV Mầm non			17.5
103	1192	Trần Thị Thu	Huệ	01/01/1998	GV Mầm non			55.5
104	1193	Đặng Thị Thu	Huyền	08/11/1999	GV Mầm non			32.9
105	1194	Hoàng Thị	Huyền	19/6/1999	GV Mầm non			81.8



	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
106	1195	Lê Thị Huyền	24/10/2003	GV Mầm non			20.5
107	1196	Lê Thị Thu	01/11/1999	GV Mầm non			45.0
108	1197	Mai Thị	14/01/1992	GV Mầm non			63.3
109	1198	Nguyễn Thị	01/9/1997	GV Mầm non			56.0
110	1199	Nguyễn Thị Khánh	07/5/2003	GV Mầm non			48.3
111	1200	Nguyễn Thị Thu	25/02/1999	GV Mầm non			53.8
112	1201	Phạm Thị Thu	27/11/2002	GV Mầm non		Vắng thi	
113	1202	Phan Thị Thu	04/9/2001	GV Mầm non			67.0
114	1203	Thân Thị Thanh	10/10/1999	GV Mầm non			39.0
115	1204	Trần Thị Thuý	06/09/2002	GV Mầm non			62.3
116	1205	Trịnh Thị	14/4/1995	GV Mầm non			44.8
117	1206	Dương Thị	13/3/2000	GV Mầm non			73.2
118	1207	Đậu Thị	09/10/2002	GV Mầm non			42.3
119	1208	Đặng Thị	20/9/2000	GV Mầm non			34.1
120	1209	Lê Thị Cẩm	13/12/1996	GV Mầm non			58.1
121	1210	Nguyễn Thị	16/6/2000	GV Mầm non			44.8
122	1211	Nguyễn Thị	24/4/1997	GV Mầm non			37.3
123	1212	Nguyễn Thị Hoài	12/02/1983	GV Mầm non			46.0
124	1213	Nguyễn Thị Linh	12/10/2000	GV Mầm non			35.0
125	1214	Vì Thị	23/5/2002	GV Mầm non	DTTS	Vắng thi	
126	1215	Nguyễn Thị Lệ	09/6/2003	GV Mầm non			48.3
127	1216	Hồ Thị	28/4/1999	GV Mầm non			38.6
128	1217	Nguyễn Thị	01/3/2002	GV Mầm non		Vắng thi	
129	1218	Trần Thị Thu	11/7/2002	GV Mầm non			27.3
130	1219	Lê Thị	20/3/1999	GV Mầm non			49.0
131	1220	Phạm Thị	16/11/2003	GV Mầm non			35.0
132	1221	Trịnh Thị	19/08/1997	GV Mầm non			44.7
133	1222	Lê Thị	24/9/1988	GV Mầm non			48.6
134	1223	Bùi Thị Phương	17/5/2002	GV Mầm non			46.5
135	1224	Chu Thị Thuý	12/7/1999	GV Mầm non			61.2
136	1225	Đoàn Thuý	08/5/1997	GV Mầm non			68.5
137	1226	Lê Thị Hà	12/10/1992	GV Mầm non			96.0
138	1227	Lê Thị Huyền	28/11/2003	GV Mầm non			35.5
139	1228	Lê Thị Khánh	16/8/1999	GV Mầm non			67.3
140	1229	Lê Thị Thuý	07/10/1994	GV Mầm non			42.0
141	1230	Nguyễn Thị Ánh	19/12/1999	GV Mầm non			86.0



		Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
142	1231*	Nguyễn Thị Kiều	Linh	09/10/2003	GV Mầm non			31.5
143	1232	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/11/2002	GV Mầm non	Bồ bị CDDC		35.5
144	1233	Phạm Thuý	Linh	25/10/2002	GV Mầm non			16.5
145	1234	Võ Thị Thuý	Linh	23/12/1999	GV Mầm non			41.3
146	1235	Bùi Thị	Luyến	28/3/1995	GV Mầm non		Vắng thi	
147	1236	Phan Diệu	Ly	26/6/2003	GV Mầm non			54.3
148	1237	Trương Thị Kim	Ly	16/01/1999	GV Mầm non		Vắng thi	
149	1238	Nguyễn Thị Hải	Lý	14/8/2000	GV Mầm non			53.8
150	1239	Phạm Thị	Lý	03/08/1996	GV Mầm non			48.0
151	1240	Trần Thị	Lý	01/05/1998	GV Mầm non		Vắng thi	
152	1241	Hà Thị	Mai	14/4/1990	GV Mầm non			35.5
153	1242	Nguyễn Thị	Mai	19/6/1998	GV Mầm non			25.3
154	1243	Phạm Thị	Mai	07/3/1991	GV Mầm non		Vắng thi	
155	1244	Hoàng Trà	My	20/10/2003	GV Mầm non			40.5
156	1245	Hồ Thị	Mỹ	10/4/1993	GV Mầm non			27.9
157	1246	Lê Thị	Mỹ	24/11/1994	GV Mầm non		Vắng thi	
158	1247	Nguyễn Thị	Mỹ	20/10/1996	GV Mầm non			91.4
159	1248	Phan Thị	Mỹ	05/02/2003	GV Mầm non			25.8
160	1249	Hán Thị Quỳnh	Na	21/8/2001	GV Mầm non			43.6
161	1250	Nguyễn Thị Ly	Na	22/3/2001	GV Mầm non			23.1
162	1251	Trần Thị Lê	Na	02/02/1998	GV Mầm non			62.6
163	1252	Thông Thị Hoài	Nam	03/10/2000	GV Mầm non			21.9
164	1253	Đặng Thị	Nga	01/02/1996	GV Mầm non			47.5
165	1254	Lê Thị	Nga	10/9/2003	GV Mầm non			38.3
166	1255	Phan Thị	Nga	11/02/1999	GV Mầm non			34.3
167	1256	Trương Thị Thuý	Nga	29/5/1999	GV Mầm non		Vắng thi	
168	1257	Lê Thị Thảo	Ngân	28/01/2003	GV Mầm non		Vắng thi	
169	1258	Nguyễn Thị	Ngân	02/11/1995	GV Mầm non			62.3
170	1259	Nguyễn Thị	Ngân	02/5/1997	GV Mầm non			75.3
171	1260	Tô Thị Ái	Ngân	26/7/1993	GV Mầm non			28.3
172	1261	Nguyễn Thị	Ngọc	23/9/2003	GV Mầm non			30.5
173	1262	Phan Thị	Ngọc	20/02/2003	GV Mầm non			36.9
174	1263	Đào Thuý	Nguyên	22/11/2002	GV Mầm non		Vắng thi	
175	1264	Nguyễn Thảo	Nguyên	21/7/2001	GV Mầm non			54.2
176	1265	Đào Thị Ánh	Nguyệt	03/10/2003	GV Mầm non			30.5
177	1266	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/02/2003	GV Mầm non			44.5



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
178	1267	Võ Thị Thanh	Nhân	30/9/1997	GV Mầm non			85.8
179	1268	Phan Thị	Nhân	07/9/1992	GV Mầm non			34.5
180	1269	Bùi Thị Hoàng	Nhân	08/6/2000	GV Mầm non			47.5
181	1270	Nguyễn Thị	Nhân	20/8/1991	GV Mầm non			58.0
182	1271	Lê Thị Yến	Nhi	23/3/2001	GV Mầm non			69.8
183	1272	Phạm Thị	Nhi	28/4/1995	GV Mầm non			19.5
184	1273	Trương Thảo	Nhi	02/02/2002	GV Mầm non			22.9
185	1274	Bùi Thị	Nhung	16/9/1995	GV Mầm non			47.8
186	1275	Hà Thị	Nhung	10/6/1996	GV Mầm non			46.8
187	1276	Lê Thị	Nhung	08/8/1990	GV Mầm non			51.5
188	1277	Nguyễn Thị Hoài	Nhung	16/9/1997	GV Mầm non			52.0
189	1278	Phan Thị Hồng	Nhung	27/01/2002	GV Mầm non		Vắng thi	
190	1279	Lương Thị	Như	26/5/1996	GV Mầm non			44.8
191	1280	Cao Thị	Oanh	01/3/1993	GV Mầm non		Vắng thi	
192	1281	Dương Thị	Oanh	13/5/1999	GV Mầm non			64.8
193	1282	Đậu Mỹ	Oanh	16/6/1995	GV Mầm non			51.0
194	1283	Đậu Thị Kim	Oanh	30/11/1993	GV Mầm non			32.0
195	1284	Trần Kim	Oanh	29/9/2003	GV Mầm non			28.8
196	1285	Trần Thị	Oanh	18/8/2001	GV Mầm non			40.1
197	1286	Trần Thị	Oanh	30/8/1987	GV Mầm non		Vắng thi	
198	1287	Bạch Thị	Phương	18/6/1997	GV Mầm non			35.8
199	1288	Dương Thị Huệ	Phương	27/7/1997	GV Mầm non		Vắng thi	
200	1289	Đoàn Thị	Phương	28/10/1994	GV Mầm non			47.8
201	1290	Lê Thị	Phương	10/6/1992	GV Mầm non			47.5
202	1291	Nguyễn Thị	Phương	11/3/1998	GV Mầm non			52.8
203	1292	Nguyễn Thị	Phương	03/8/2003	GV Mầm non			42.5
204	1293	Nguyễn Thị Mai	Phương	11/11/1997	GV Mầm non			69.5
205	1294	Phan Thị	Phương	03/7/2000	GV Mầm non			31.7
206	1295	Phan Thị	Phương	25/8/1994	GV Mầm non			81.8
207	1296	Trần Thị Mai	Phương	22/10/1998	GV Mầm non			25.0
208	1297	Lê Thị	Phượng	05/8/1993	GV Mầm non			71.5
209	1298	Nguyễn Thị	Phượng	15/12/1994	GV Mầm non	Con TB		81.3
210	1299	Trần Thị	Phượng	13/6/1997	GV Mầm non			57.0
211	1300	Lưu Thị	Pôn	01/12/1995	GV Mầm non	Con TB		42.0
212	1301	Đặng Thị	Quỳnh	05/01/1988	GV Mầm non	Con BB		41.0
213	1302	Phạm Thị	Quỳnh	05/9/1991	GV Mầm non			22.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
214	1303	Phan Diễm Quỳnh	17/5/2002	GV Mầm non		Vắng thi	
215	1304	Trần Thị Quỳnh	08/12/2000	GV Mầm non			36.0
216	1305	Nguyễn Thị Hải Sương	20/02/2003	GV Mầm non			49.0
217	1306	Nguyễn Thị Hồng Sương	21/9/1993	GV Mầm non			29.0
218	1307	Nguyễn Thị Tâm	18/4/1999	GV Mầm non			54.5
219	1308	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/9/2000	GV Mầm non			42.5
220	1309	Lê Thị Hồng Thái	01/5/1992	GV Mầm non			92.8
221	1310	Võ Thị Thái	26/9/1994	GV Mầm non			48.3
222	1311	Hoàng Thị Minh Thanh	05/4/1999	GV Mầm non			84.7
223	1312	Mai Thị Hoài Thanh	12/01/2000	GV Mầm non			51.3
224	1313	Nguyễn Thị Thanh	18/8/1999	GV Mầm non			48.0
225	1314	Nguyễn Thị Thanh	03/10/1995	GV Mầm non			36.0
226	1315	Cao Thị Thu Thảo	02/12/1996	GV Mầm non			53.3
227	1316	Cù Thị Phương Thảo	06/10/1994	GV Mầm non			23.2
228	1317	Lương Thị Thanh Thảo	06/3/2003	GV Mầm non			40.7
229	1318	Mai Thị Hương Thảo	10/02/2000	GV Mầm non		Vắng thi	
230	1319	Nguyễn Phương Thảo	27/6/2003	GV Mầm non			57.3
231	1320	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/5/2003	GV Mầm non			40.0
232	1321	Trần Thị Thảo	04/12/1994	GV Mầm non			46.0
233	1322	Trần Thị Thảo	01/5/1997	GV Mầm non			34.0
234	1323	Trần Thị Ngọc Thảo	30/10/2003	GV Mầm non			53.0
235	1324	Lê Thị Thắm	16/12/2003	GV Mầm non			56.4
236	1325	Nguyễn Thị Thắm	21/02/1993	GV Mầm non		Vắng thi	
237	1326	Nguyễn Thị Thắng	03/12/1993	GV Mầm non			40.5
238	1327	Võ Thị Thơ	20/10/1985	GV Mầm non			57.0
239	1328	Nguyễn Thị Thơm	16/6/2003	GV Mầm non			57.6
240	1329	Lê Thị Thu	28/4/2002	GV Mầm non			75.6
241	1330	Phan Thị Thu	07/7/1995	GV Mầm non			43.2
242	1331	Lê Thị Thuý	16/11/1997	GV Mầm non			54.7
243	1332	Đặng Thị Thuý	21/8/1995	GV Mầm non			73.2
244	1333	Lê Thị Thuý	26/9/1995	GV Mầm non		Vắng thi	
245	1334	Nguyễn Thị Ngọc Thuý	02/12/1989	GV Mầm non			32.9
246	1335	Cao Thị Thuý	18/10/1999	GV Mầm non		Vắng thi	
247	1336	Dương Phạm Phương Thuý	11/4/2000	GV Mầm non			52.0
248	1337	Đặng Thị Thuý	02/01/1999	GV Mầm non			31.3
249	1338	Đinh Thị Thuý	05/10/1997	GV Mầm non			34.0



		Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
250	1339	Lê Thị Thuý	21/7/2003	GV Mầm non			35.0
251	1340	Nguyễn Thị Thuý	20/10/1996	GV Mầm non			57.6
252	1341	Nguyễn Thị Thuý	03/10/1993	GV Mầm non		Vắng thi	
253	1342	Trần Thị Thuý	22/4/1998	GV Mầm non			70.5
254	1343	Nguyễn Thị Thủy	26/3/1990	GV Mầm non			80.5
255	1344	Lê Thị Thư	06/11/2000	GV Mầm non			44.5
256	1345	Nguyễn Thị Thư	21/3/1994	GV Mầm non			31.6
257	1346	Bùi Thị Thương	04/3/1997	GV Mầm non			60.3
258	1347	Nguyễn Hoài Thương	23/5/2003	GV Mầm non			34.3
259	1348	Nguyễn Thị Thương	23/11/1995	GV Mầm non		Vắng thi	
260	1349	Nguyễn Thị Thương	26/10/2002	GV Mầm non			57.0
261	1350	Nguyễn Thị Hoài Thương	14/10/2003	GV Mầm non		Vắng thi	
262	1351	Phạm Thị Hoài Thương	04/02/2003	GV Mầm non			37.8
263	1352	Trần Thị Mên Thương	19/5/2003	GV Mầm non			16.3
264	1353	Đinh Thị Hương Trà	16/4/2003	GV Mầm non			27.5
265	1354	Nguyễn Thị Trà	03/10/1995	GV Mầm non			74.1
266	1355	Dương Thị Huyền Trang	05/8/1998	GV Mầm non			75.3
267	1356	Đặng Thị Thu Trang	28/02/1997	GV Mầm non		Vắng thi	
268	1357	Lê Thị Quỳnh Trang	18/6/1999	GV Mầm non			37.9
269	1358	Ngô Thị Trang	08/3/1999	GV Mầm non			41.3
270	1359	Nguyễn Thị Trang	18/5/1995	GV Mầm non		Vắng thi	
271	1360	Nguyễn Thị Trang	22/01/2000	GV Mầm non		Vắng thi	
272	1361	Nguyễn Thị Hà Trang	02/01/2001	GV Mầm non			26.9
273	1362	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/02/2001	GV Mầm non			59.0
274	1363	Nguyễn Thị Mai Trang	10/12/1995	GV Mầm non			23.5
275	1364	Phạm Quỳnh Trang	04/8/1996	GV Mầm non			47.5
276	1365	Phan Thị Trang	01/6/1989	GV Mầm non			71.8
277	1366	Phan Thị Hà Trang	04/10/2003	GV Mầm non			41.8
278	1367	Võ Thị Quỳnh Trang	25/01/1987	GV Mầm non			96.0
279	1368	Trần Thị Phương Trâm	07/7/1987	GV Mầm non			96.5
280	1369	Sử Kiều Trinh	01/6/2002	GV Mầm non			34.3
281	1370	Nguyễn Thị Tuyên	28/08/1988	GV Mầm non			29.1
282	1371	Mai Thị Tuyết	22/4/1992	GV Mầm non			60.3
283	1372	Nguyễn Ánh Tuyết	30/10/1996	GV Mầm non			79.0
284	1373	Nguyễn Thị Tuyết	25/8/2003	GV Mầm non			32.7
285	1374	Phan Thị Ánh Tuyết	30/12/2003	GV Mầm non			30.7



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
286	1375	Phan Thị Minh	Tuyết	02/01/1994	GV Mầm non		48.1
287	1376	Phạm Thị	Uyên	12/02/2003	GV Mầm non		27.2
288	1377	Trần Thị Thu	Uyên	01/01/1998	GV Mầm non		39.4
289	1378	Đặng Thị Thảo	Vân	21/11/2002	GV Mầm non		28.3
290	1379	Lê Thị	Vân	08/7/1997	GV Mầm non		52.9
291	1380	Mai Thị Kiều	Vân	11/07/2001	GV Mầm non		64.1
292	1381	Nguyễn Thị	Vân	17/11/1995	GV Mầm non		89.5
293	1382	Trần Thị	Vân	09/7/1995	GV Mầm non		63.5
294	1383	Lê Thị Khánh	Vi	15/01/2003	GV Mầm non		33.9
295	1384	Trần Hồng	Viết	25/11/2003	GV Mầm non		40.3
296	1385	Lê Hồng	Vinh	13/9/2002	GV Mầm non	Vắng thi	
297	1386	Võ Thị	Vỵ	26/12/1994	GV Mầm non		84.5
298	1387	Hồ Thị	Yến	06/02/2002	GV Mầm non		65.6
299	1388	Lê Thị	Yến	01/5/1996	GV Mầm non		52.9
300	1389	Nguyễn Thị Hải	Yến	16/01/2001	GV Mầm non		48.3
301	1390	Trần Thị	Yến	15/9/2000	GV Mầm non	Vắng thi	
302	1391	Trần Lương	Bằng	16/7/2002	GV THCS	Vắng thi	
303	1392	Phạm Thị	Bình	01/9/1990	GV THCS	Vắng thi	
304	1393	Hoàng Danh	Dũng	14/11/2003	GV THCS	Vắng thi	
305	1394	Cao Anh	Đài	22/02/2003	GV THCS		14.8
306	1395	Hồ Khánh	Đạt	18/02/2002	GV THCS		24.5
307	1396	Trần Thị Thanh	Hải	10/02/1987	GV THCS	Vắng thi	
308	1397	Đinh Thị	Hằng	10/01/1992	GV THCS	DTTS	39.4
309	1398	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/9/1987	GV THCS		38.8
310	1399	Thái Thị Thuý	Hiền	07/5/2003	GV THCS	Vắng thi	
311	1400	Đào Thị	Hoa	02/10/2003	GV THCS		44.5
312	1401	Nguyễn Văn	Hoà	20/5/1990	GV THCS		41.8
313	1402	Trần Thị	Hoài	13/9/2003	GV THCS		60.0
314	1403	Nông Thị	Huế	08/3/1994	GV THCS	DTTS	45.6
315	1404	Lê Thị Khánh	Huyền	18/11/2002	GV THCS		51.9
316	1405	Trần Thị Thu	Huyền	06/5/1993	GV THCS		33.3
317	1406	Vương Thị Thu	Huyền	27/01/2002	GV THCS		50.2
318	1407	Phan Thị	Lài	02/9/1992	GV THCS		40.5
319	1408	Nguyễn Hương	Ly	19/10/1999	GV THCS		21.0
320	1409	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	04/11/2003	GV THCS		24.3
321	1410	Nguyễn Thị	Mỹ	10/6/1993	GV THCS		28.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
322	1411	Phạm Thị Nga	09/06/1994	GV THCS			28.9
323	1412	Trần Thị Nguyệt	05/12/1991	GV THCS			21.0
324	1413	Nguyễn Thị Bích Phương	01/01/1989	GV THCS			28.8
325	1414	Nguyễn Thị Minh Phương	03/12/1990	GV THCS			53.5
326	1415	Phan Đình Quang	17/5/2003	GV THCS			28.3
327	1416	Lê Thị Hồng Quyên	21/3/2003	GV THCS			22.8
328	1417	Nguyễn Thị Quỳnh	05/7/2002	GV THCS			29.8
329	1418	Trần Văn Tài	26/01/2003	GV THCS			39.8
330	1419	Đỗ Thị Thu Thảo	23/08/1995	GV THCS			31.8
331	1420	Lê Thị Phương Thảo	13/6/2003	GV THCS			44.3
332	1421	Nguyễn Thị Thắm	20/7/1991	GV THCS			38.9
333	1422	Lê Thị Ngọc Thủy	08/9/1994	GV THCS			28.8
334	1423	Nguyễn Thị Thủy	06/10/1987	GV THCS			26.2
335	1424	Trần Thị Hoài Thư	28/5/2003	GV THCS			55.2
336	1425	Nguyễn Thị Thuý Trang	10/11/2003	GV THCS			17.0
337	1426	Nguyễn Thuý Trang	17/10/2003	GV THCS			19.8
338	1427	Đào Thị Trúc	12/11/2002	GV THCS			59.5
339	1428	Văn Thị Tố Uyên	05/11/2003	GV THCS			19.0
340	1429	Bùi Thị Vân	03/5/1991	GV THCS			61.0
341	1430	Hồ Hải Yên	20/6/2003	GV THCS			27.3
342	1431	Trần Ánh Ngọc Bích	04/02/2002	GV THCS			41.5
343	1432	Nguyễn Thị Tùng Chi	01/01/2003	GV THCS			42.3
344	1433	Phan Trần Phương Dung	18/12/2003	GV THCS			26.3
345	1434	Phạm Thị Hoàng Đình	03/8/2003	GV THCS			26.3
346	1435	Lê Hương Giang	07/11/2003	GV THCS			47.8
347	1436	Lê Thị Thu Hà	02/7/2001	GV THCS			37.0
348	1437	Lương Phan Minh Hà	22/3/2003	GV THCS			33.5
349	1438	Nguyễn Việt Hà	10/8/2003	GV THCS			61.2
350	1439	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/7/2003	GV THCS			40.3
351	1440	Nguyễn Thị Hoa	20/01/2003	GV THCS			28.3
352	1441	Trần Văn Hoàng	10/12/2002	GV THCS			70.3
353	1442	Hoàng Thị Khánh Huyền	25/4/2002	GV THCS		Vắng thi	
354	1443	Nguyễn Phan Khánh Huyền	14/11/2002	GV THCS			35.0
355	1444	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/02/2003	GV THCS			36.5
356	1445	Hoàng Lê Cẩm Ly	30/12/2003	GV THCS			40.7
357	1446	Nguyễn Thị Cẩm Ly	15/7/2003	GV THCS			42.8



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
358	1447	Hoàng Tiểu My	30/10/2003	GV THCS			37.3
359	1448	Nguyễn Thị Hà My	01/02/2003	GV THCS			37.8
360	1449	Nguyễn Thị Hà My	06/6/2003	GV THCS			21.8
361	1450	Nguyễn Lê Na	08/11/2002	GV THCS			45.5
362	1451	Lê Thị Bích Ngọc	20/02/2000	GV THCS			47.8
363	1452	Thái Trần Phương Ngọc	14/6/2002	GV THCS			42.0
364	1453	Trần Anh Ngọc	20/4/2003	GV THCS			22.3
365	1454	Trịnh Thị Bảo Ngọc	12/5/2002	GV THCS		Vắng thi	
366	1455	Lâm Ngọc Thảo Nguyên	02/12/2003	GV THCS			44.0
367	1456	Phan Thị Nhi	07/02/1993	GV THCS		Vắng thi	
368	1457	Thái Thị Hải Nhi	27/9/2003	GV THCS			19.5
369	1458	Nguyễn Thị Nhung	24/01/2001	GV THCS		Vắng thi	
370	1459	Nguyễn Lê Khánh Như	10/10/2003	GV THCS			58.8
371	1460	Trần Thị Quỳnh Phương	27/5/2003	GV THCS			48.0
372	1461	Nguyễn Ngọc Quyết	10/5/2001	GV THCS			21.8
373	1462	Lê Phương Thảo	30/01/2003	GV THCS			48.5
374	1463	Nguyễn Phương Thảo	29/8/2002	GV THCS			40.8
375	1464	Lê Thị Thu	09/02/1990	GV THCS	Bỏ bị CDDC		31.3
376	1465	Nguyễn Minh Thuý	10/5/2002	GV THCS			74.3
377	1466	Nguyễn Thị Thuý	19/3/1992	GV THCS		Vắng thi	
378	1467	Nguyễn Thị Thanh Thuý	08/6/1991	GV THCS			53.8
379	1468	Trương Thị Huyền Thương	31/10/2001	GV THCS			44.0
380	1469	Nguyễn Thị Hương Trà	25/12/2002	GV THCS			20.5
381	1470	Lê Thị Quỳnh Trang	05/02/2002	GV THCS			27.0
382	1471	Ngô Thị Trang	24/02/2002	GV THCS			8.5
383	1472	Nguyễn Ngọc Thư Trang	06/11/2002	GV THCS		Vắng thi	
384	1473	Nguyễn Thị Trang	05/4/2003	GV THCS			40.5
385	1474	Nguyễn Thị Trang	20/4/2003	GV THCS			50.0
386	1475	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	10/5/1994	GV THCS			45.3
387	1476	Đoàn Lê Thu Uyên	12/8/2002	GV THCS			59.5
388	1477	Nguyễn Thị Vân	15/6/2001	GV THCS			27.3
389	1478	Nguyễn Thị Cẩm Vân	16/9/2001	GV THCS			48.8
390	1479	Ngô Nhật Thảo Vi	29/12/2003	GV THCS			38.8
391	1480	Nguyễn Kim Anh	01/4/2003	GV THCS			34.8
392	1481	Trần Văn Đạt	10/3/1995	GV THCS			29.5
393	1482	Đặng Thị Hào	25/5/1989	GV THCS	Con BB		50.5



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
	1483	Lê Thị Thuý Hằng	28/11/1991	GV THCS		Vắng thi	
395	1484	Đặng Thị Hiền	11/01/1989	GV THCS			42.8
396	1485	Hồ Thị Hiền	07/8/1990	GV THCS			23.3
397	1486	Nguyễn Thị Hoa	28/2/1989	GV THCS			62.8
398	1487	Phạm Thị Hoà	18/8/1991	GV THCS			51.2
399	1488	Nguyễn Thị Hương	08/9/1990	GV THCS			50.8
400	1489	Trương Thị Thu Hường	09/9/1992	GV THCS			32.3
401	1490	Nguyễn Thị Tâm	05/02/1991	GV THCS	Con TB	Vắng thi	
402	1491	Lê Thị Tân	06/6/1990	GV THCS			46.0
403	1492	Lê Thị Thắm	07/8/1990	GV THCS			29.0
404	1493	Võ Thị Thắng	29/9/2000	GV THCS			51.3
405	1494	Lê Thị Thoan	02/6/1998	GV THCS			55.5
406	1495	Phạm Anh Thơ	12/11/1992	GV THCS			52.5
407	1496	Nguyễn Thị Thu	02/3/1992	GV THCS			50.8
408	1497	Nguyễn Thị Thuý	02/04/1991	GV THCS			37.5
409	1498	Phạm Thị Thu Thuý	07/9/1993	GV THCS			38.8
410	1499	Võ Minh Trang	20/11/1991	GV THCS	Con TB		27.8
411	1500	Nguyễn Thị Vân Anh	26/01/2003	GV THCS			90.5
412	1501	Hoàng Trọng Dũng	13/3/1998	GV THCS			21.3
413	1502	Đinh Quý Dương	17/5/1992	GV THCS			29.5
414	1503	Nguyễn Thảo Đan	27/12/2001	GV THCS			83.0
415	1504	Nguyễn Thị Bích Đào	05/02/2003	GV THCS			45.5
416	1505	Lê Thị Hà Giang	10/6/1992	GV THCS	Con TB		50.8
417	1506	Nguyễn Thị Cẩm Hà	20/5/2003	GV THCS			24.0
418	1507	Trương Thị Thu Hiền	06/11/1993	GV THCS	Con TB		23.3
419	1508	Đặng Thị Hoà	05/5/1991	GV THCS			23.1
420	1509	Nguyễn Thị Huê	02/6/1989	GV THCS			43.8
421	1510	Bùi Thị Lan Hương	29/9/1992	GV THCS			52.5
422	1511	Phạm Thị Lệ Khuyên	20/11/1992	GV THCS	Con TB		53.8
423	1512	Hoàng Thị Loan	06/3/1989	GV THCS		Vắng thi	
424	1513	Bùi Thị Long	17/7/1989	GV THCS		Vắng thi	
425	1514	Lương Thị Lý	30/7/1989	GV THCS			38.3
426	1515	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	13/01/2001	GV THCS			84.5
427	1516	Ngô Thị Mùi	20/6/1991	GV THCS			34.3
428	1517	Nguyễn Huy Nam	07/11/2001	GV THCS			64.8
429	1518	Nguyễn Thị Ngân	04/02/2000	GV THCS			50.0



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
430	1519	Võ Thị Ngân	22/4/1988	GV THCS			46.3
431	1520	Nguyễn Thị Bích Ngọc	25/01/2003	GV THCS	Con TB		36.3
432	1521	Tô Thị Bảo Ngọc	23/5/1996	GV THCS			23.6
433	1522	Nguyễn Thị Uyên Nhi	09/9/2001	GV THCS			34.3
434	1523	Chu Thị Quỳnh Phương	25/11/2003	GV THCS			35.0
435	1524	Nguyễn Đăng Thái	05/9/1992	GV THCS			71.0
436	1525	Nguyễn Đức Thắng	11/02/2002	GV THCS			8.3
437	1526	Lê Thị Lệ Thủy	16/6/2003	GV THCS			24.8
438	1527	Nguyễn Thị Thu Trang	16/7/1992	GV THCS			51.8
439	1528	Kiều Thị Thanh Tú	01/01/2002	GV THCS			28.3
440	1529	Phạm Thị Tuyết	10/10/1998	GV THCS			43.0
441	1530	Nguyễn Thảo Uyên	24/8/2003	GV THCS			26.3
442	1531	Dương Phương Anh	01/07/2002	GV THCS			50.2
443	1532	Phan Tiến Bình	26/02/1996	GV THCS			31.3
444	1533	Võ Tá Cường	23/12/2002	GV THCS			59.3
445	1534	Biện Thị Dung	23/02/1998	GV THCS			51.3
446	1535	Lê Thị Duyên	16/3/1991	GV THCS			20.3
447	1536	Hồ Thị Đan	03/01/1990	GV THCS			19.5
448	1537	Cao Thị Lệ Giang	10/10/1994	GV THCS			44.8
449	1538	Nguyễn Thị Việt Hà	15/10/2002	GV THCS			66.5
450	1539	Lê Thị Mỹ Hạnh	06/10/1991	GV THCS			36.5
451	1540	Trần Thị Hiền	08/10/1992	GV THCS			50.0
452	1541	Nguyễn Huy Hoàng	28/08/1990	GV THCS		Vắng thi	
453	1542	Đặng Khánh Huyền	04/12/2002	GV THCS			50.0
454	1543	Hồ Thị Mỹ Khanh	20/8/1993	GV THCS			42.0
455	1544	Hoàng Ái Linh	21/01/2000	GV THCS			53.8
456	1545	Thái Thị Hoa Mơ	10/4/2003	GV THCS			47.8
457	1546	Nguyễn Thị Mỹ	15/4/1988	GV THCS			40.5
458	1547	Phạm Sỹ Nguyên	13/5/2003	GV THCS			38.8
459	1548	Phan Thị Hồng Nhi	18/10/2001	GV THCS			38.5
460	1549	Đinh Thị Như	10/6/2003	GV THCS			14.5
461	1550	Phan Thị Kim Oanh	14/3/2001	GV THCS			18.5
462	1551	Đinh Minh Tấn	09/6/1989	GV THCS			9.5
463	1552	Lê Phương Thảo	06/9/2003	GV THCS			72.9
464	1553	Lê Văn Thảo	09/02/1982	GV THCS			23.5
465	1554	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	16/7/2002	GV THCS			27.5
466	1555	Nguyễn Thị Yên	10/8/1991	GV THCS		Vắng thi	



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
467	1556	Lê Thị Trâm Anh	23/7/2003	GV THCS			33.3
468	1557	Phan Thị Quỳnh Chi	26/01/2003	GV THCS			57.6
469	1558	Phạm Thị Dung	01/9/2003	GV THCS			56.4
470	1559	Nguyễn Thị Giang	07/7/1992	GV THCS			44.5
471	1560	Nguyễn Thị Khánh Huyền	24/3/2003	GV THCS			63.0
472	1561	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/10/2001	GV THCS			31.5
473	1562	Nguyễn Thị Phương Linh	03/6/2003	GV THCS			46.8
474	1563	Trần Thị Hoa Quyên	10/10/2002	GV THCS			70.5
475	1564	Trần Thị Sương	27/3/2002	GV THCS			35.3
476	1565	Phan Thị Thu Tân	24/8/1993	GV THCS			40.0
477	1566	Lê Phương Thảo	15/12/2002	GV THCS			53.0
478	1567	Nguyễn Thị Ái Thơ	21/01/2003	GV THCS			44.5
479	1568	Trương Thị Thảo Trinh	07/10/2003	GV THCS			15.0
480	1569	Nguyễn Quốc Chính	29/9/2003	GV THCS			50.2
481	1570	Ngô Thị Hà Diệp	08/9/1986	GV THCS			12.6
482	1571	Nguyễn Xuân Đức	10/3/2003	GV THCS			27.8
483	1572	Nguyễn Thị Hào	22/3/1994	GV THCS		Vắng thi	
484	1573	Nguyễn Thị Hiếu	25/02/1989	GV THCS			28.8
485	1574	Nguyễn Thị Hương	17/10/1990	GV THCS			7.5
486	1575	Nguyễn Thị Lịch	24/9/1984	GV THCS		Vắng thi	
487	1576	Đặng Hoài Nam	14/3/2003	GV THCS			22.6
488	1577	Giang Thị Nga	19/8/1989	GV THCS		Vắng thi	
489	1578	Trương Thị Ngân	20/10/1990	GV THCS			21.5
490	1579	Phạm Việt Nhật	19/12/2003	GV THCS			28.2
491	1580	Nguyễn Ngọc Quân	15/6/2003	GV THCS			17.2
492	1581	Trần Thị Quý	06/02/1989	GV THCS			88.4
493	1582	Trần Thị Thắm	06/8/1997	GV THCS			18.0
494	1583	Trần Thu Thủy	06/10/2003	GV THCS		Vắng thi	
495	1584	Đậu Thị Thương	03/7/1989	GV THCS	Con TB		30.0
496	1585	Trần Thị Thương	15/01/1990	GV THCS	Con TB		22.5
497	1586	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	21/9/2003	GV THCS			14.4
498	1587	Nguyễn Thị Trang	14/3/2003	GV THCS			52.5
499	1588	Cao Thị Xuân	01/01/1992	GV THCS			22.5
500	1589	Trần Văn Cường	06/9/1989	GV THCS	Con TB		74.0
501	1590	Nguyễn Xuân Diệu	01/9/2003	GV THCS			51.0
502	1591	Võ Thị Nhật Hạ	12/5/2001	GV THCS			47.5



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
503	1592	Hồ Thị Thu Hiền	04/11/1995	GV THCS			41.0
504	1593	Trần Nhật Hoàng	06/03/2001	GV THCS			53.5
505	1594	Nguyễn Thị Loan	02/8/1991	GV THCS			67.0
506	1595	Đinh Minh Sơn	01/01/2001	GV THCS			47.0
507	1596	Lê Đình Thọ	30/10/1994	GV THCS			56.0
508	1597	Trần Thị Bích	14/11/1996	GV THCS			43.8
509	1598	Võ Thị Dương	24/12/1986	GV THCS			41.7
510	1599	Nguyễn Thị Cảnh Hiền	17/6/1989	GV THCS			41.2
511	1600	Phạm Thị Hương	16/5/1985	GV THCS			51.4
512	1601	Phan Thị Lam	05/02/1998	GV THCS			74.5
513	1602	Trần Thị Huyền Trang	10/5/1988	GV THCS	Con TB		56.5
514	1603	Trương Thị Huyền Trang	25/6/1997	GV THCS		Vắng thi	
515	1604	Nguyễn Thị Tuyết	05/4/1984	GV THCS			63.8
516	1605	Võ Thảo Anh	09/3/2003	GV THCS			49.7
517	1606	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/02/2001	GV THCS			40.2
518	1607	Nguyễn Thị Hằng Châu	10/9/2003	GV THCS			55.0
519	1608	Nguyễn Thị Quỳnh Diễm	13/4/2000	GV THCS			50.0
520	1609	Đậu Hồ Hoàng Dung	23/11/2003	GV THCS			49.3
521	1610	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	06/11/2003	GV THCS			50.5
522	1611	Hồ Thuý Dương	04/5/2003	GV THCS			50.0
523	1612	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/3/2003	GV THCS			42.5
524	1613	Trần Đình Đan	25/4/2003	GV THCS			32.5
525	1614	Lê Thị Anh Đào	14/10/2001	GV THCS			39.0
526	1615	Nguyễn Trung Đức	03/10/2000	GV THCS			45.9
527	1616	Nguyễn Thị Ngọc Hà	02/10/2003	GV THCS		Vắng thi	
528	1617	Ngô Thị Hằng	08/5/2003	GV THCS			38.5
529	1618	Trần Thị Hằng	28/02/1994	GV THCS			51.3
530	1619	Nguyễn Thị Thuý Hiền	09/9/2003	GV THCS			68.8
531	1620	Phạm Thị Thu Hiền	02/02/1994	GV THCS			56.8
532	1621	Đoàn Thị Thanh Hiếu	04/01/2003	GV THCS			23.5
533	1622	Vương Thị Huệ	13/10/2003	GV THCS			34.9
534	1623	Trần Khánh Huyền	12/9/2003	GV THCS			50.0
535	1624	Trần Thị Diệu Huyền	25/8/2003	GV THCS		Vắng thi	
536	1625	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	10/3/2003	GV THCS			65.0
537	1626	Trần Thị Nhật Lệ	24/10/2003	GV THCS			52.3
538	1627	Đặng Phương Linh	27/4/2002	GV THCS			70.5



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
539	1628	Nguyễn Thị Linh	19/6/1992	GV THCS	Con TB		67.0
540	1629	Thiều Thị Loan	16/9/2003	GV THCS			15.8
541	1630	Phan Thị Mai	22/12/2002	GV THCS		Vắng thi	
542	1631	Thái Đức Mạnh	02/01/2003	GV THCS			9.5
543	1632	Nguyễn Trần Lê Na	23/4/2003	GV THCS			64.8
544	1633	Nguyễn Thị Nga	27/02/2002	GV THCS			44.0
545	1634	Cao Quang Nhật	15/8/2003	GV THCS			34.3
546	1635	Trần Thị Kiều Oanh	14/12/2003	GV THCS			56.0
547	1636	Phan Văn Phú	05/12/2002	GV THCS			53.8
548	1637	Lê Minh Phụng	28/9/2001	GV THCS			34.3
549	1638	Dương Thị Quý	14/8/2003	GV THCS			32.0
550	1639	Nguyễn Văn Thái	02/12/2001	GV THCS			36.8
551	1640	Trần Thị Thảo	27/8/1996	GV THCS			42.7
552	1641	Trần Thị Phương Thảo	03/3/2003	GV THCS			33.0
553	1642	Nguyễn Thị Hồng Thắm	06/4/2003	GV THCS			46.3
554	1643	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12/9/2003	GV THCS			43.0
555	1644	Dương Thị Hoài Thương	14/01/2003	GV THCS			38.2
556	1645	Nguyễn Thị Hoài Thương	02/01/2003	GV THCS			36.0
557	1646	Nguyễn Thanh Thanh Trà	06/9/2003	GV THCS			37.5
558	1647	Lê Thị Thu Trang	27/9/2003	GV THCS			39.5
559	1648	Ngô Thị Thu Trang	18/3/1997	GV THCS			47.0
560	1649	Nguyễn Thị Hà Trang	16/3/2002	GV THCS		Vắng thi	
561	1650	Trần Thị Thuỳ Trang	31/8/2003	GV THCS			45.0
562	1651	Nguyễn Việt Vũ	15/4/2002	GV THCS	Con TB		36.0
563	1652	Nguyễn Thị Xuân	01/01/2003	GV THCS			51.3
564	1653	Phan Thị Thanh Bình	09/4/2003	GV THCS		Vắng thi	
565	1654	Đào Ngọc Diệp	06/5/2002	GV THCS		Vắng thi	
566	1655	Ma Thị Hằng	18/7/1991	GV THCS			46.8
567	1656	Nguyễn Thị Huệ	08/11/1993	GV THCS		Vắng thi	
568	1657	Nguyễn Thị Giang Hương	10/01/2003	GV THCS			65.2
569	1658	Nguyễn Thị Hường	22/01/1988	GV THCS		Vắng thi	
570	1659	Võ Thị Liên	01/10/2003	GV THCS			45.8
571	1660	Lê Mỹ Linh	07/06/2002	GV THCS		Vắng thi	
572	1661	Phùng Thị Mai Linh	10/02/2003	GV THCS			22.0
573	1662	Tôn Thị Phụng	25/02/1989	GV THCS		Vắng thi	
574	1663	Võ Thị Diễm Quỳnh	11/02/2002	GV THCS			49.4



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng U.T	Vắng thi	Điểm
575	1664	Lê Thị Thoan	02/6/1998	GV THCS		Vắng thi	
576	1665	Lê Thị Cẩm Thu	02/6/1990	GV THCS	Con TB	Vắng thi	
577	1666	Nguyễn Thị Xuân Thuý	28/4/1998	GV THCS			52.3
578	1667	Nguyễn Phương Chi	20/10/2003	GV THPT			85.3
579	1668	Nguyễn Thị Hà Giang	01/7/2001	GV THPT			38.5
580	1669	Nguyễn Thị Hiền	16/3/1999	GV THPT			44.3
581	1670	Hoàng Thị Khánh Huyền	25/4/2002	GV THPT		Vắng thi	
582	1671	Hoàng Ngọc Mai	08/6/2003	GV THPT		Vắng thi	
583	1672	Võ Hiền Minh	16/9/2003	GV THPT		Vắng thi	
584	1673	Trịnh Thị Bảo Ngọc	12/5/2002	GV THPT		Vắng thi	
585	1674	Nguyễn Thị Thảo	06/12/1991	GV THPT	Con TB		58.0
586	1675	Đặng Quỳnh Thơ	04/01/2003	GV THPT			35.7
587	1676	Hoàng Phạm Hồng Thuý	22/4/2003	GV THPT		Vắng thi	
588	1677	Từ Anh Thương	20/4/2002	GV THPT			39.1
589	1678	Nguyễn Ngọc Thu Trang	06/11/2002	GV THPT		Vắng thi	
590	1679	Nguyễn Thị Trang	20/4/2003	GV THPT		Vắng thi	
591	1680	Hoàng Danh Dũng	14/11/2003	GV THPT			50.3
592	1681	Lê Thị Khánh Huyền	18/11/2002	GV THPT		Vắng thi	
593	1682	Nguyễn Tuấn Kiệt	06/6/2002	GV THPT			20.0
594	1683	Đào Nữ Hương Ly	12/07/1995	GV THPT		Vắng thi	
595	1684	Chu Thái Thành	21/6/1991	GV THPT		Vắng thi	
596	1685	Võ Thị Thu Trang	05/9/1986	GV THPT	Con TB		36.8
597	1686	Đào Thị Trúc	12/11/2002	GV THPT		Vắng thi	
598	1687	Bùi Thị Vân	03/5/1991	GV THPT		Vắng thi	
599	1688	Nguyễn Thị Huyền	11/01/1994	GV THPT			50.3
600	1689	Đặng Hoài Nam	14/3/2003	GV THPT		Vắng thi	
601	1690	Phan Thị Kim Ngân	17/02/2003	GV THPT		Vắng thi	
602	1691	Bùi Thị Ngân	26/4/1995	GV THPT			33.5
603	1692	Phan Thị Minh Ngọc	28/11/2003	GV THPT			66.6
604	1693	Nguyễn Thị Trang	14/3/2003	GV THPT		Vắng thi	
605	1694	Nguyễn Hà Hoài Anh	25/11/2003	GV THPT			39.0
606	1695	Phạm Tuấn Anh	11/9/2002	GV THPT			48.8
607	1696	Tô Ngọc Lê Anh	10/7/2003	GV THPT			10.8
608	1697	Trần Trương Ngọc Ánh	06/4/2003	GV THPT			25.3
609	1698	Lê Thanh Bình	12/8/2003	GV THPT			32.5
610	1699	Trần Thị Bình	02/6/1989	GV THPT			43.8



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
611	1700	Nguyễn Phan Huyền Chi	06/4/2003	GV THPT			35.5
612	1701	Nguyễn Tiến Cường	01/01/2001	GV THPT			27.0
613	1702	Thái Nguyễn Thuỳ Dương	25/02/2003	GV THPT			28.8
614	1703	Bùi Thị Thảo Đan	14/7/2003	GV THPT			51.8
615	1704	Trần Linh Đan	23/10/2003	GV THPT			62.3
616	1705	Lê Thuần Giáp	10/11/2003	GV THPT		Vắng thi	
617	1706	Lê Thị Thu Hà	22/11/2003	GV THPT			49.3
618	1707	Hoàng Thị Bích Hằng	22/12/2003	GV THPT			35.0
619	1708	Ngô Thuý Hiền	30/9/2003	GV THPT			41.8
620	1709	Nguyễn Thị Thảo Hiền	07/3/2003	GV THPT			18.3
621	1710	Thân Trọng Hiếu	20/9/2003	GV THPT			31.8
622	1711	Nguyễn Khánh Huyền	03/9/1999	GV THPT			73.5
623	1712	Nguyễn Thị Phương Huyền	07/01/2003	GV THPT			65.5
624	1713	Phạm Thị Khánh Huyền	19/8/2003	GV THPT			35.8
625	1714	Trần Thị Diệu Huyền	25/8/2003	GV THPT			53.5
626	1715	Lưu Thị Lan Hương	23/9/2003	GV THPT			57.3
627	1716	Phan Thị Lam	05/02/1998	GV THPT		Vắng thi	
628	1717	Nguyễn Bá Liêm	27/7/2002	GV THPT			56.0
629	1718	Hoàng Thị Hà Linh	14/3/2003	GV THPT			37.5
630	1719	Nguyễn Thị Hà Linh	03/9/1994	GV THPT			41.3
631	1720	Nguyễn Khánh Ly	09/11/2003	GV THPT			14.0
632	1721	Đinh Thị Mai	03/8/1993	GV THPT	DTTS		60.8
633	1722	Nguyễn Quang Minh	02/8/2002	GV THPT			44.3
634	1723	Đặng Ngô Hằng Nga	20/5/2002	GV THPT			59.0
635	1724	Lê Thị Nhã	25/11/2002	GV THPT			24.8
636	1725	Phan Thị Quỳnh Như	03/4/2001	GV THPT			55.0
637	1726	Lê Thị Kim Oanh	20/3/1991	GV THPT		Vắng thi	
638	1727	Nguyễn Ngọc Vĩnh Phúc	05/8/2002	GV THPT			24.3
639	1728	Phạm Nguyễn Mai Phương	22/12/2002	GV THPT			20.0
640	1729	Thái Thu Phương	04/01/2003	GV THPT			32.5
641	1730	Trần Thảo Phương	31/7/2003	GV THPT			33.3
642	1731	Võ Trần Mai Phương	10/12/2003	GV THPT			55.3
643	1732	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	02/11/2003	GV THPT			32.5
644	1733	Nguyễn Thanh Tân	19/5/2003	GV THPT			18.0
645	1734	Trần Duy Tân	21/8/2003	GV THPT			14.3
646	1735	Phạm Thị Thao	7/11/1989	GV THPT			29.3



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
647	1736	Nguyễn Thị Thạch Thảo	26/10/2001	GV THPT			64.3
648	1737	Lê Anh Thọ	11/5/2002	GV THPT			25.8
649	1738	Lê Trần Hoài Thu	05/10/2003	GV THPT			23.3
650	1739	Nguyễn Thị Thuỳ	01/5/1988	GV THPT	Con TB		27.5
651	1740	Bùi Anh Thư	19/2/2003	GV THPT			41.5
652	1741	Hồ Thị Thu Trang	25/4/2003	GV THPT			22.0
653	1742	Nguyễn Thị Trang	10/02/1991	GV THPT			43.5
654	1743	Phạm Minh Trang	17/4/2003	GV THPT			39.5
655	1744	Phan Thị Trâm	08/5/2003	GV THPT			47.3
656	1745	Đặng Bá Tuấn	04/7/2001	GV THPT			25.5
657	1746	Đậu Văn Minh Vũ	28/3/2003	GV THPT			17.0
658	1747	Trần Thị Hà An	28/5/2003	GV THPT			45.0
659	1748	Phạm Ngọc Ánh	08/7/2003	GV THPT			44.5
660	1749	Phan Thị Thanh Bình	09/4/2003	GV THPT			47.5
661	1750	Nguyễn Hà Châu	08/8/2003	GV THPT			39.5
662	1751	Lê Thị Linh Chi	16/4/2001	GV THPT			32.0
663	1752	Nguyễn Ái Yên Chi	01/8/2003	GV THPT			49.5
664	1753	Nguyễn Thị Linh Chi	12/5/2003	GV THPT			39.3
665	1754	Nguyễn Thị Linh Chi	21/5/2003	GV THPT			48.3
666	1755	Nguyễn Thị Phương Chi	15/8/2002	GV THPT			38.5
667	1756	Trần Thảo Chi	13/5/2003	GV THPT			36.0
668	1757	Đào Ngọc Diệp	06/5/2002	GV THPT			73.5
669	1758	Nguyễn Thị Dung	01/3/1989	GV THPT	Con BB		54.1
670	1759	Trần Hoàng Dung	23/10/2001	GV THPT			28.5
671	1760	Tôn Thị Đào	28/8/1986	GV THPT		Vắng thi	
672	1761	Nguyễn Thị Giang	26/5/2002	GV THPT		Vắng thi	
673	1762	Lê Thị An Hà	20/6/2002	GV THPT			29.0
674	1763	Phạm Thị Mỹ Hà	04/12/2003	GV THPT			29.5
675	1764	Trần Ngân Hà	15/01/2003	GV THPT			56.3
676	1765	Trần Thị Hạnh	20/10/1997	GV THPT			30.0
677	1766	Nguyễn Thị Hằng	23/5/2003	GV THPT			44.0
678	1767	Phan Thị Thu Hiền	10/10/1992	GV THPT		Vắng thi	
679	1768	Nguyễn Thị Khánh Hoà	07/11/2003	GV THPT			24.5
680	1769	Trần Thị Mỹ Hoài	20/9/1985	GV THPT	Con liệt sỹ		47.5
681	1770	Nguyễn Thị Giang Hương	10/01/2003	GV THPT		Vắng thi	
682	1771	Đinh Trần Đàm Lê	30/11/2002	GV THPT			37.5



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
683	1772	Phạm Khánh Linh	03/02/2003	GV THPT			29.5
684	1773	Phan Thị Khánh Linh	15/8/2003	GV THPT			70.3
685	1774	Trần Phương Linh	02/9/2003	GV THPT		Vắng thi	
686	1775	Trần Thị Thuý	01/8/2002	GV THPT			52.0
687	1776	Lê Thị Kiều Loan	06/11/1990	GV THPT			27.3
688	1777	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	04/08/1992	GV THPT			51.5
689	1778	Đậu Thị Khánh Ly	28/7/2003	GV THPT			14.3
690	1779	Phan Thị Khánh Ly	11/02/2003	GV THPT			26.8
691	1780	Nguyễn Thị Phương Mai	03/8/2003	GV THPT			38.0
692	1781	Nguyễn Thị Mến	10/10/1997	GV THPT			49.3
693	1782	Từ Hoài Mơ	05/5/1996	GV THPT		Vắng thi	
694	1783	Nguyễn Thị Trà My	10/8/2003	GV THPT			30.5
695	1784	Trần Lê Hà My	21/01/2002	GV THPT			45.8
696	1785	Lê Thị Na	29/5/2002	GV THPT			14.8
697	1786	Tổng Thị Ly Na	24/02/2003	GV THPT			25.5
698	1787	Nguyễn Hải Nam	30/9/2002	GV THPT		Vắng thi	
699	1788	Hoàng Thị Hồng Nga	04/9/2003	GV THPT			20.8
700	1789	Tô Thị Hiếu Ngân	23/7/2003	GV THPT			9.5
701	1790	Nguyễn Thị Hồng Nghĩa	17/3/2002	GV THPT			23.3
702	1791	Lê Thị Nhung	17/4/2003	GV THPT			47.5
703	1792	Lê Thị Hồng Nhung	17/3/2002	GV THPT			21.0
704	1793	Nguyễn Thị Nhung	01/7/1991	GV THPT		Vắng thi	
705	1794	Nguyễn Thị Phụng	06/01/1988	GV THPT			33.0
706	1795	Tôn Thị Phụng	25/02/1989	GV THPT			72.3
707	1796	Lê Thị Thuý Quỳnh	07/11/2001	GV THPT			14.8
708	1797	Võ Thị Sâm	20/4/1983	GV THPT		Vắng thi	
709	1798	Hoàng Thị Thành	05/7/1998	GV THPT			24.5
710	1799	Lê Thị Phương Thảo	31/8/2002	GV THPT			40.1
711	1800	Nguyễn Thị Thảo	16/12/1993	GV THPT			54.0
712	1801	Hồ Đậu Xuân Thi	26/10/2000	GV THPT			35.4
713	1802	Trương Thị Thuận	11/04/2003	GV THPT			38.8
714	1803	Lê Thị Thu Thủy	08/3/1989	GV THCS		Vắng thi	
715	1804	Đoàn Thị Minh Thư	26/7/2003	GV THPT			61.3
716	1805	Hồ Thị Thương	10/5/1990	GV THPT			51.3
717	1806	Nguyễn Thị Tình	04/4/2003	GV THPT			62.3
718	1807	Trương Thị Tịnh	19/9/1993	GV THPT		Vắng thi	



	TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí ĐK tuyển dụng	Đối tượng UT	Vắng thi	Điểm
		1808	Nguyễn Thị Trang	23/9/1986	GV THPT			34.3
720		1809	Nguyễn Thị Thu Trang	03/12/2003	GV THPT			9.3
721		1810	Võ Khánh Trâm	08/10/2001	GV THPT			33.5
722		1811	Trần Thị Cẩm Tú	24/6/2003	GV THPT			78.0
723		1812	Đồng Thị Tố Uyên	12/3/2003	GV THPT		Vắng thi	
724		1813	Nguyễn Thị Vân	01/12/1998	GV THPT		Vắng thi	
725		1814	Trương Thị Cẩm Vân	13/10/2003	GV THPT			25.5
726		1815	Trương Thị Lệ Vi	25/12/2003	GV THPT		Vắng thi	
727		1816	Dương Thị Vinh	14/11/1991	GV THPT	Con BB		9.0
728		1817	Lê Hải Vy	02/10/2003	GV THPT			60.0
729		1818	Ngô Hà Khánh Vy	25/02/2002	GV THPT			27.0
730		1819	Nguyễn Thị Hà Vy	27/5/2003	GV THPT			37.0
731		1820	Phan Bảo Yến	07/5/2003	GV THPT			32.8

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG